

**Câu 1: Trong 320 năm hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa- Đồng Nai, nhân dân Đồng Nai đã trải qua những cuộc kháng chiến nào? Hãy trình bày cảm nhận của anh (chị) về truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân Biên Hòa- Đồng Nai?**

*a) Trong 320 năm hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa- Đồng Nai, nhân dân Đồng Nai đã trải qua những cuộc kháng chiến nào?*



*Phà Cát Lái (ảnh chụp tháng 8/2018)*

Tháng 8, tháng của những cơn mưa tầm tã sũng nước. Nước sông Đồng Nai đang đổ về mang theo màu đục ngầu của phù sa bồi đắp đôi khi có cả những cơn lũ giận dữ. Nhưng hôm nay, trong mắt tôi, dòng sông này bỗng yên bình quá đổi bởi những chuyến phà xuôi ngược. Vậy, vùng đất Biên Hòa- Đồng Nai có những điểm gì đặc biệt đã làm say nắng bao thi nhân, khách trọ?

*“ Đồng Nai gạo trắng nước trong  
Ai đi đến đó thời không muốn về”*

Đứng trên phà Cát Lái, tôi ngắm nhìn những ngôi nhà san sát nhau, tường vôi sạch sẽ thay thế những căn nhà lá ọp ẹp, cũ kĩ trước đây. Nhiều khu công nghiệp mọc lên, vươn ống khói tận trời xanh. Đường sá tráng nhựa sạch sẽ, rộng tênh. Người dân vui vẻ nói cười về ngày hôm qua, hôm nay và ngày mai- Một sự vươn mình mạnh mẽ trên chặng đường 320 năm hình thành và phát triển của vùng đất Biên Hòa- Đồng Nai này:

*Về Đồng Nai... hỏi ai còn nhớ?  
Câu hát thuở xa xưa  
Ngậm ngùi trước buổi chia tay  
Hò ơ...  
Nhà Bè nước chảy chia hai  
Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về...*

Những ca từ trong bài hát “ Về Đồng Nai” của Nhạc sĩ Xuân Hồng giống như một lời tự sự, dẫn lối cho những người con Đồng Nai cho dù đang sinh sống, học tập, làm việc ở bất cứ đâu cũng nao nức tìm về cội nguồn dân tộc. Còn đó những trang sử vẻ vang lưu dấu những chiến tích hào hùng từ năm 1698, khi Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược xứ Đàng Trong, lấy đất Đồng Nai lập phủ Gia Định gồm hai huyện Phước Long với dinh Trấn Biên và huyện Tân Bình với dinh Phiên Trấn làm mốc, xây dựng nên vùng đất trù phú này và phát triển nó cho tới ngày hôm nay. Qua 320 năm, chúng ta có thể liệt kê được rất nhiều cuộc khởi nghĩa của nhân dân Biên Hòa- Đồng Nai trong chặn đường đầy gian khổ, thử thách đối đầu với ác liệt với thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và các thế lực thù địch nhằm bảo vệ sự yên bình cho quê hương, cho cuộc sống của nhân dân, góp phần vào công cuộc bảo vệ nền độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của dân tộc Việt Nam. Về cơ bản, chúng ta có thể hệ thống được các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu sau qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ như sau:

### ***1. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lần thứ nhất***

#### ***1. Các cuộc khởi nghĩa của sĩ phu yêu nước:***

Ngày 13/12/1861, tướng Bonard (chỉ huy trưởng quân Pháp ở Sài Gòn) đã kí huấn lệnh về kế hoạch đánh chiếm Biên Hòa. Theo kế hoạch, địch chia làm ba bước trong đó có việc đánh chiếm Bến Gỗ làm bàn đạp để tiến quân về Biên Hòa.

Ngày 14/12/1861, quân Pháp tiến đánh tỉnh Biên Hòa bằng cả hai đường thủy-bộ. 7 giờ 30 phút cùng ngày, Gò Công Trảo rơi vào tay giặc. Ngày 15/12/1861, quân Pháp tiến công đồn Mỹ Hòa, quân triều đình rút chạy. Trên đường sông Đồng Nai, hai cánh quân Pháp do tướng Lebris và Harel chỉ huy vấp phải sự kháng cự quyết liệt của quân triều đình đến giữa đêm thì quân triều đình rút chạy. Sáng 17/12/1861, quân thủy-bộ của Pháp đã tiến đến tỉnh thành Biên Hòa. Sau ba loạt pháo, tuần phủ Nguyễn Đức Hoan và án sát Lê Khai Cận bỏ thành rút chạy; khâm sai Nguyễn Bá Nghi mang quân chạy ra Bình Thuận

Trước sự bỏ chạy của đại quân của triều đình, một ngày sau khi khởi chiến, quân Pháp chiếm thành Biên Hòa. Lãnh binh Nguyễn Đức Ứng chỉ huy đoàn quân tổ chức tuyến phòng thủ Ký Giang – Long Thành. Ông thu nạp tàn quân và liên lạc với nghĩa quân Long Thành, bố trí lực lượng ngăn chặn bước tiến của quân Pháp từ hướng Biên Hòa xuống Bà Rịa. Sáng ngày 21/12/1861, tại lũy Ký Giang, quân Pháp gặp phải sự kháng cự của nghĩa quân do Nguyễn Đức Ứng chỉ huy. Đến 14 giờ, cùng ngày, đoàn quân do Nguyễn Đức Ứng chỉ huy bị tổn thất nặng nề và bản thân Nguyễn Đức Ứng bị trọng thương. Quân ta vừa cầm cự chiến đấu, vừa cùng nhân dân địa phương điều trị vết thương cho Nguyễn Đức Ứng, do vết thương quá

nặng Nguyễn Đức Ứng đã ra đi vĩnh viễn trước sự tiếc thương của đồng bào, đồng đội trên mảnh đất Long Thành (ngày 27/12/1861)



*Di tích Mộ Nguyễn Đức Ứng và 27 nghĩa quân (thuộc địa phận ấp Suối Cà, xã Long Phước, huyện Long Thành, được xếp hạng di tích cấp quốc gia ngày 15 tháng 10 năm 1994 và được tôn tạo cảnh quan trang nghiêm vào năm 1996)*



*Thăm khu Mộ của Lãnh binh Nguyễn Đức ứng và 27 nghĩa quân*

Tháng 2 Nhâm Tuất 1862, thế lực của nghĩa quân Trương Định được nhân dân Biên Hòa, miền Đông ủng hộ tích cực. Một số văn thân ở Biên Hòa: tri phủ Phước Tuy Nguyễn Thành Ý, tùy phái Phan Trung... đã mộ thêm quân hợp tác với nghĩa quân Trương Định.

Ngày 5/6/1862 sự nhu nhược của triều đình Huế trong việc kí Hiệp ước Nhâm tuất, nhượng cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam kì đã làm dấy lên làn sóng căm phẫn, kiên quyết chống Pháp, ủng hộ nghĩa quân Trương Định trong toàn dân.

Đêm 17/12/1862, nghĩa quân Trương Định chia làm hai mũi đánh chiếm đồn Đồng Môn (Long Thành), tên tri huyện làm tay sai cho pháp bị bắt sống.

Đầu 1/1863, nghĩa quân ở Biên Hòa liên tục tiến công các vị trí của Pháp ở đông bắc Biên Hòa gây cho chúng nhiều khó khăn: cắt đứt đường dây điện thoại Biên Hòa-Bà Rịa- Sài Gòn- Cap Saint Jacques, tấn công các căn cứ của Pháp...

Ngày 20/8/1864, quân Pháp đánh úp căn cứ của nghĩa quân ở Tân Phước. Để không bị bắt, Trương Định đã dùng gươm tự sát. Phan Chính cho rút quân về Giao



Loan (Bình Thuận) xây dựng căn cứ. Con trai Trương Định là Trương Quyền cùng phối hợp với Trương Chính xây dựng thêm căn cứ ở Bàu Cá (Trảng Bom).

Đầu năm 1865, quân Pháp tấn công vào căn cứ Giao Loan, phó tướng Lê Quang Quyền tử trận, căn cứ Giao Loan thất thủ. Một cánh quân khác của Pháp đánh chiếm căn cứ Bàu Cá, Trương Quyền rút quân về Tây Ninh phối hợp cùng nghĩa quân Pô- Cam- Pô tiếp tục kháng chiến. Cuộc kháng chiến ở Biên Hòa do các văn thân lãnh đạo tạm thời lắng lại.



*Trương Định (1820-1864)*

## ***2. Khởi nghĩa của Đoàn Văn Cự***

Ông sinh năm 1835, quê làng Bình An (Thủ Đức). Tiếp nối truyền thống của gia đình, ông theo nghề của gia đình là dạy học và bốc thuốc giúp đỡ dân nghèo. Chính vì thế, ông đã tạo được uy tín và có điều kiện thuận lợi để tiếp xúc, tuyên truyền, khơi dậy lòng yêu nước trong các tầng lớp nhân dân lao động. Lợi dụng địa hình, ông xây dựng Bưng Kiện (thôn Vĩnh Cửu nay thuộc phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa) làm căn cứ. Ông khéo léo dùng hoạt động tôn giáo để thu phục nhân tâm. Tổ chức Hội kín do ông thành lập qui tụ nhiều danh tài hảo hán; tinh thông võ nghệ; một lòng vì nước, vì dân. Lực lượng nghĩa quân phát triển ngày một lớn mạnh; lương thực, khí giới được tích trữ chuẩn bị cho việc dấy binh.

Trước sự phát triển của lực lượng, ngày 11/5/1905, chính quyền thực dân cho một tiểu đội lính bí mật bao vây thôn Vĩnh Cửu. Được tin, Đoàn Văn Cự triệu tập nghĩa quân tổ chức phục kích cả ngày nhưng không thấy địch xuất hiện. Tương địch đã rút lui, đến tối, ông cho nghĩa quân lui về căn cứ ăn cơm. Lúc này, quân

Pháp ập đến, bao vây Bung Kiệu, nghĩa quân chống trả quyết liệt. Đoàn Văn Cự cùng 16 nghĩa quân anh dũng hi sinh.



*Khu lăng mộ Đoàn Văn Cự và 16 nghĩa binh tại khu phố 3, phường Long Bình, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai  
(Đã xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia theo Quyết định số 722/QĐ-BVHTT ngày 25/4/1998)*

### **3. Khởi nghĩa Trại Lâm Trung**

Trại Lâm Trung là một tổ chức yêu nước nằm trong hình thái Hội kín phổ biến ở Nam Bộ đầu thế kỉ 20. Ban đầu, đứng ra sáng lập Lâm Trung Trại có 18 vị được người dân xưng tụng là "anh hùng" gồm: Năm Hy, Ba Hổ, Ba Hàu, Hai Lựu, Bảy Đen, Sáu Huyền, Ba Vạn, Hai Danh, Bảy Phát, Tám Tâm, Hai Mạnh, Ba Thứ, Năm Thanh, Ba Nghi, Tư Rùa, Hai Sở, Mười Lợi, Hai Cầm. Ông Năm Hi được chọn làm lãnh đạo trại, dưới trướng là gồm 9 thành viên đều là những anh hùng, hảo hán lừng danh một cõi. Tại Biên Hòa, một nhóm người yêu nước đã lập ra Trại Lâm Trung, căn cứ đóng tại xã Thiện Tân (huyện Vĩnh Cửu). Trại viên được tập luyện võ nghệ, trang bị vũ khí thô sơ: gậy, dao, gươm, một ít súng. Hoạt động bí mật, các trại viên liên lạc với nhau bằng mật hiệu, khẩu hiệu, được nhân dân Vĩnh Cửu, Tân Uyên ủng hộ, giúp đỡ tích trữ lương thực.

Đêm 16/12/1916, Trại phát động tấn công các mục tiêu: Nhà làng Tân Trạch, Tân Lương, Tân Khánh, Bến Cá....Các ông Mười Sốt, Mười Tiết chỉ huy tiến đánh khám Biên Hòa. Tuy nhiên, sau khi địch được tiếp viện đã bắt sống hai ông, một số trại viên còn lại chạy thoát.

Ở Biên Hòa, quân Pháp cho lung sục và bắt bớ các lãnh tụ Trại Lâm Trung cùng gia đình, vợ con họ. Do tay sai chỉ điểm, tháng 3/1916, các lãnh tụ Trại Lâm Trung lần lượt sa vào tay giặc: Năm Hy, Hai Lựu...

Tháng 6/1916, thực dân Pháp cho xử tử 9 người lãnh đạo của Trại Tập Trung. Phong trào lắng xuống.



*Chùa Cô hồn (Bửu Hưng tự) hiện tọa lạc trên đường Phan Đình Phùng (khu phố 2, phường Quang Vinh, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).*



*Ngôi miếu cô hồn trong khuôn viên chùa, nơi hương khói cho chín nghĩa sĩ “Lâm Trung trại” hy sinh trong kháng chiến chống Pháp.*

#### ***4. Phong trào bãi công của công nhân “Phú Riềng đở”***

Dưới ảnh hưởng của tổ chức “ Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội” và phong trào “ vô sản hóa”, tại Biên Hòa, một số đồng chí đã về hoạt động và xây dựng cơ sở ở đồn điền cao su Phú Riềng, Biên Hòa ( nay thuộc huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phú). Tháng 4-1928, Chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đồn điền Phú Riềng hình thành (gồm Nguyễn Xuân Cừ, Trần Tử Bình, Phan Thư Hồng, Tạ và Hòa), do Nguyễn Xuân Cừ làm Bí thư. Tháng 10/1929, Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng đồn điền cao su Phú Riềng được thành lập. Cùng với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930), phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Biên Hòa, đặc biệt là phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân diễn ra vô cùng sôi động từ đầu những năm 1930.

Từ 30/1/1930 đến 6/2/1930, hơn 5000 công nhân đồn điền cao su Phú Riềng đã nổi dậy đấu tranh với yêu sách: đòi thực hiện đúng hợp đồng, chống đánh đập, cúp phạt, thực hiện ngày làm 8 giờ... Trước khí thế đấu tranh mạnh mẽ và áp lực



của quần chúng, chủ sở bước đầu chấp nhận các yêu sách. Tuy nhiên, do chưa có kinh nghiệm đấu tranh và say sưa với thắng lợi bước đầu, một số cán bộ công đoàn nảy sinh tư tưởng “manh động”, tiếp tục tổ chức bạo động đấu tranh. Chi bộ Đảng từ chỗ hoạt động bí mật chuyển ra hoạt động công khai. Địch theo dõi, phát hiện, bắt bớ hơn 100 người về Biên Hòa giam giữ.

Tuy thất bại, nhưng “Phú Riêng đỏ” đã tạo được tiếng vang lớn, tác động mạnh mẽ đến phong trào đấu tranh của công nhân, các tầng lớp nhân dân lao động ở Biên Hòa và miền Đông Nam Bộ.



*Tượng đài Phú Riêng đỏ ( Di tích này nằm tại làng 3 - xã Thuận Lợi - huyện Đồng Phú - tỉnh Bình Phước ngày nay. Đã được xếp loại cấp quốc gia theo Quyết định số 05/QĐ-BT, ngày 12 tháng 02 năm 1999 của Bộ Văn hóa Thông tin)*



*Đồng chí Trần Tử Bình- Thủ lĩnh Phú Riêng đỏ (đứng thứ 2 từ trái sang. Ảnh tư liệu 1948)*



*Đồng chí Nguyễn Mạnh Hồng (Ảnh tư liệu 1986)*

### ***5. Cuộc đấu tranh của Chi bộ Bình Phước - Tân Triều và Tỉnh ủy lâm thời Biên Hòa.***

Năm 1935, Chi Bộ Bình Phước- Tân Triều ra đời do các đồng chí : Lưu Văn Việt, Hoàng Minh Châu lãnh đạo đánh dấu bước phát triển mới của phong trào cách mạng Biên Hòa sau thời giam “ tạm lắng”. Đây là hạt nhân lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương và là nòng cốt để hình thành tổ chức Tỉnh ủy lâm thời Biên Hòa sau này.

Tháng 8/1919, Ủy ban trù bị Đông Dương đại hội được thành lập tại Sài Gòn, cử các đồng chí Dương Bạch Mai và Nguyễn Văn Nghĩa về Biên Hòa trực tiếp tổ chức và chỉ đạo phong trào cách mạng địa phương. Ủy ban hành động tỉnh Biên Hòa được thành lập do Nguyễn Văn Nghĩa làm chủ tịch. Ủy ban hành động của các quận: Châu Thành, Xuân Lộc, Tân Uyên, Long Thành cũng được tổ chức và hoạt động công khai thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia. Nhiều cuộc mít tinh, tuần hành được tổ chức khắp nơi; hàng vạn truyền đơn, tài liệu của Đảng được phát hành rộng khắp. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào đòi dân sinh dân chủ của các tầng lớp nhân dân lao động ở Biên Hòa nổ ra liên tục mạnh mẽ, tiêu biểu: nhà máy cưa BIF, xe lửa Biên Hòa, đồn điền cao su ở Xuân Lộc... Cuối 1936, Liên tỉnh ủy miền Đông cử đồng chí Trương Văn Bang và Cao Hồng Lĩnh về Biên Hòa hoạt động, trực tiếp tổ chức vận động thành lập Ban cán sự Đảng tỉnh Biên Hòa và xây dựng tổ chức một số chi bộ Đảng ở các cơ sở địa phương trong tỉnh.



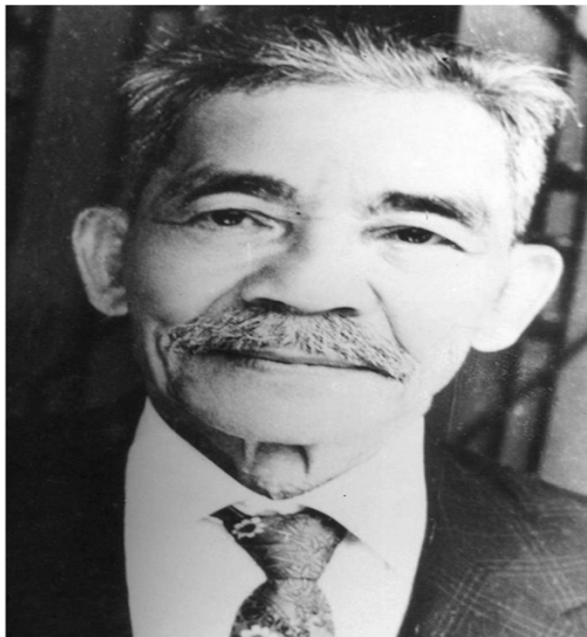
Đầu 1937, tỉnh ủy lâm thời Biên Hòa được thành lập do đồng chí Trương Văn Bang làm bí thư. Nhiều đồng chí đảng viên ở các nơi khác cũng lần lượt về Biên Hòa để móc nối liên lạc hoạt động, tổ chức các chi bộ Đảng cơ sở. Công tác xây dựng Đảng từ đây có bước phát triển mới: tại nhà máy cưa BIF, có hai Chi bộ Đảng mới được thành lập; ở quận Xuân Lộc thành lập được một Chi bộ do đồng chí Ba Nghệ làm bí thư...Tổ chức Công hội đỏ được bí mật xây dựng ở nhiều công ty, đồn điền cao su...Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy lâm thời Biên Hòa, phong trào đấu tranh cách mạng của các tầng lớp nhân dân tiếp tục diễn ra sôi nổi trong các năm 1937 đến 1939 đánh dấu một bước phát triển quan trọng tạo sơ sở vững chắc cho phong trào cách mạng cả nước trong những năm kế tiếp, đặc biệt là cao trào Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cách mạng tháng Tám năm 1945.



*Di tích lịch sử Địa điểm thành lập Chi bộ Cộng sản Bình Phước - Tân Triều và Tỉnh ủy lâm thời Biên Hòa (nay thuộc ấp Tân Triều, xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai). Địa điểm này đã được UBND tỉnh xếp hạng là di tích lịch sử (QĐ số 224/QĐ.UBND, ngày 23 tháng 01 năm 2007).*



*Đồng chí Hoàng Minh Châu (1911-1948)*



*Đồng chí Trương Văn Bang  
(1911 - 1981)*

### **6. Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Biên Hòa**

Hưởng ứng lời kêu gọi “Toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh và chỉ thị “ Nhật- Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta!” của Thường vụ Trung ương Đảng, ở Biên Hòa, tổ chức thanh niên Tiền Phong do Huỳnh Thiện Nghệ làm thủ lĩnh đã phát triển nhanh chóng, địa bàn hoạt động được mở rộng từ các cơ sở làng đến các nhà máy, xí nghiệp, đồn điền cao su.

Tháng 5/1945, tại ấp Vĩnh Cửu, Tam Hiệp, Châu Thành, Biên Hòa Liên tỉnh ủy miền Đông triệu tập cuộc họp cán bộ Đảng toàn miền Đông để phổ biến chủ trương của Trung ương Đảng về tình hình, nhiệm vụ mới. Tháng 7/1945, tại chùa Tân Mai, Châu Thành, đồng chí Hà Huy Giáp đại diện xứ ủy Nam Kỳ họp với các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Biên Hòa về chủ trương gấp rút xây dựng, phát triển lực lượng cách mạng, chuẩn bị phát động quần chúng nhân dân trong toàn tỉnh nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền.

Sau khi Hà Nội giành chính quyền (19/8), ngày 20/8, Xứ ủy Nam Kỳ họp hội nghị tại Chợ Đệm để phổ biến kế hoạch khởi nghĩa Nam Bộ. Ngày 23/8/1945, tại nhà số 2 phố Sáu Sứ, Xã Bình Trước, quận Châu Thành, Biên Hòa đồng chí Hoàng Minh Châu chủ trì cuộc họp bàn kế hoạch khởi nghĩa giành chính quyền, trọng điểm là tỉnh lỵ Biên Hòa. Ngay trong đêm 23 rạng 24/8/1945, trong nội thành thị xã Biên Hòa, nhân dân đã treo cờ đỏ sao vàng, cờ búa liềm, dán khẩu hiệu khắp nơi. Không khí khởi nghĩa đã sôi sục.

Sáng 24/8, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ nhà máy cưa BIF, Chi bộ ga xe lửa Biên Hòa, công nhân và nhân dân các ấp: Tân Mai, Lân Thành, Vĩnh Thị Đã nổi

dậy làm chủ các cơ sở trên, đồng thời lập lực lượng xung kích làm lực lượng nòng cốt cho cuộc khởi nghĩa Biên Hòa. Đêm, tại rạp hát Trần Điền, một cuộc mít tinh được tổ chức với hàng trăm quần chúng tham gia, lực lượng thanh niên xung kích đi tuần tra khắp các đường phố thị xã. Lực lượng cách mạng đã làm chủ nội thành và ngoại thành Biên Hòa.

4 giờ sáng ngày 25/8, chuyến xe lửa đầu tiên trong ngày do ông Ba Miều lái từ ga Biên Hòa gồm 500 người về Sài Gòn cùng tham gia giành chính quyền. Thắng lợi ở Sài Gòn càng làm nức lòng nhân dân Biên Hòa.

Sáng 26/8/1945, đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa đã tập hợp hàng trăm quần chúng tiến thẳng vào Tòa bố Biên Hòa, treo lá cờ đỏ sao vàng đầu tiên tại dinh tỉnh trưởng trước sự hò reo của quần chúng. Đến 11 giờ trưa cùng ngày, các đồng chí Hoàng Minh Châu, Huỳnh Văn Hớn và một số đồng chí trong Ủy ban khởi nghĩa buộc tỉnh trưởng Nguyễn Văn Quý cùng các viên chức đứng đầu các công sở trong tỉnh bàn giao chính quyền cho cách mạng. 14 giờ, lực lượng cách mạng đã bắt giữ cò Phước (chỉ huy lực lượng cảnh sát tỉnh Biên Hòa), lực lượng xung kích nhanh chóng chiếm lĩnh, tiếp quản các cơ quan, công sở còn lại ở quận Châu Thành.

Sáng ngày 27-8-1945, tại quảng trường Sông Phố, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức với gần một vạn người tham dự. Đồng chí Hoàng Minh Châu, Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa, đọc diễn văn tuyên bố chính quyền về tay nhân dân và công bố thành phần Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Biên Hòa. Kết thúc cuộc mít tinh là lễ tuyên thệ, gần một vạn người thay mặt cho hơn 15 vạn đồng bào trong tỉnh đã long trọng đưa cao nắm tay thề sẵn sàng hy sinh tính mạng, tài sản, kiên quyết bảo vệ nền độc lập tự do của Tổ quốc, bảo vệ những thành quả của cách mạng vừa giành được. Sau khi giành chính quyền ở tỉnh, chính quyền ở các quận, xã còn lại ở các quận Châu Thành, Xuân Lộc, Tân Uyên cũng nhanh chóng về tay nhân dân vài ngày sau đó.





*Di tích Quảng trường Sông Phố ( được Bộ Văn hóa Thông tin và Thể thao xếp hạng Di tích cấp quốc gia theo Quyết định số 2307 ngày 30 tháng 12 năm 1991 . Ảnh tư liệu)*

## **II.KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP LẦN THỨ HAI.**

### **1. Trại huấn luyện du kích Vĩnh Cửu.**



*Chiến sĩ công binh xưởng cưa bom lẹp lẩy thuốc nổ sản xuất vũ khí  
(Ảnh tư liệu)*

Tháng 9-1945, Tỉnh ủy Biên Hòa đã thành lập trường huấn luyện cán bộ quân sự đầu tiên ở Miền Đông, bây giờ gọi là trại Du kích Vĩnh Cửu. Lãnh đạo gồm: Phan Đình Công - Thường vụ Tỉnh ủy Biên Hòa phụ trách quân sự, Nguyễn Xuân Diệu, Nguyễn Trí Định, giáo sư Phạm Thiều, Nguyễn Thanh Sơn, Nguyễn Đình Ưu, Huỳnh Văn Hớn Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Biên Hòa. Ngày 26-9-1945, trại mở khóa học đầu tiên. Trường không chỉ tập hợp thanh niên ưu tú ở các địa phương trong tỉnh, mà còn thu hút nhiều tổ chức, cá nhân từ các địa

phương khác. Giảng viên chính gồm: Nguyễn Xuân Diệu, Nguyễn Trí Định (dạy quân sự). Nguyễn Xuân Diệu nguyên là Bí thư chi bộ hộ 6 ở Sài Gòn; còn Nguyễn Trí Định là đảng viên chi bộ Hòa Hưng (Sài Gòn), được đào tạo ở trường Thiếu sinh quân của Pháp (Enfants de troupe), nhóm huấn luyện quân sự "Việt Nam mới". Tài liệu giảng dạy: "Chiến thuật du kích" của Nguyễn Ái Quốc, quyển Infanterie militaire của Pháp. Hoạt động chính của trại là huấn luyện quân sự, chính trị, tăng cường cán bộ cho các địa phương, trường còn phối hợp với lực lượng quân Nam tiến đánh chiếm cầu Bình Lợi, ngăn chặn quân Pháp mở rộng lấn chiếm ra ngoài Sài Gòn (20-10-1945).

Ngày 25-10-1945, quân Pháp đánh chiếm tỉnh lỵ Biên Hòa, một lần nữa, trường phải chuyển về khu vực Suối Linh (Vĩnh Cửu). Chỉ vài ngày sau, để có thể tiếp tục huấn luyện lâu dài, Ban chỉ huy quyết định đưa trường về Tân Tịch (Tân Uyên). Hơn hai tháng thành lập, huấn luyện, trại Du kích Vĩnh Cửu, trường quân chính đầu tiên của Biên Hòa và miền Đông đã đào tạo trên 100 cán bộ quân sự, chính trị. Đây là lực lượng nòng cốt để phát động phong trào du kích ở Biên Hòa và một số tỉnh miền Đông. Đây cũng là những cán bộ quân đội nòng cốt của nhiều đơn vị vũ trang như chi đội 10, trung đoàn 310 Biên Hòa, chi đội 16, trung đoàn 307 Bà Rịa, trung đoàn 812 Bình Thuận... Trường huấn luyện du kích Vĩnh Cửu, Bình Đa, chính là tiền thân của trường Quân chính Quân khu 7 trong kháng chiến chống Pháp.

## ***2. Trận tập kích đầu tiên vào tỉnh lỵ Biên Hòa (2-1-1946).***

Nhân dân Biên Hòa chỉ được hưởng độc lập từ ngày 26-8-1945 đến ngày 24-10-1945, tức chỉ được 1 tháng 28 ngày. Trong gần hai tháng đó, Tỉnh ủy lâm thời mới được thành lập (qua hội nghị Bình Trước), chính quyền mới ra đời còn rất non trẻ, vừa phải lo ổn định đời sống, sản xuất cho dân, vừa tích cực xây dựng lực lượng vũ trang, sẵn sàng chống thực dân Pháp trở lại cướp nước ta lần thứ hai.

Cuối tháng 10-1945, Pháp phá vỡ vòng vây ở Sài Gòn. Và mục tiêu lần chiếm kế tiếp là Biên Hòa, tỉnh có vị trí quan trọng để mở đường chiếm các tỉnh miền Đông Nam bộ, ra cực Nam Trung bộ và Tây Nguyên. Trước đó, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân Biên Hòa một mặt xây dựng lực lượng vũ trang, đưa lực lượng vũ trang Kinh-Thượng xuống cùng nhân dân Sài Gòn Gia Định chống Pháp; vừa phát động vườn không nhà trống, phát lệnh toàn dân "tiêu thổ kháng chiến". Các cơ quan lãnh đạo và các đoàn thể đều rút ra vùng căn cứ Tân Uyên và vùng ven thị xã, xây dựng căn cứ du kích như Bình Đa, Hố Cạn (Tân Phong).

Ngày 24-10-1945, thực dân Pháp với quân Anh hỗ trợ đánh chiếm tỉnh lỵ Biên Hòa. Chúng đưa quân trấn giữ các đầu mối giao thông, chiếm thành Săng Đá, chiếm đóng các công sở như Tòa bố, bưu điện, kho bạc, tòa án... bắt tay xây dựng

lại bộ máy chính quyền tay sai ở tỉnh lỵ và thị xã. Tuy nhiên, phạm vi chiếm đóng của thực dân Pháp đến cuối tháng 12-1945 vẫn là khu vực xã Bình Trước, giới hạn bởi các con đường 16 (đi Tân Uyên), đường 24 (đi Vĩnh Cửu), quốc lộ 1 (về Sài Gòn), đường 15 (đi Long Thành). Các ấp ven thị xã như Lân Thị, Gò Me, Vĩnh Thị, Núi Đất..., các xã ven như Hiệp Hòa, Tân Vạn, Tam Hiệp, Tân Phong..., các đội du kích, tự vệ chiến đấu và xung phong cảm tử Châu Thành vẫn liên tục hoạt động, đột nhập thị xã và các xã ven, các xã dọc lộ 1, 15 diệt tề trừ gian, gây cho địch nhiều thiệt hại về người.

Tại Biên Hòa, từ cuối tháng 10-1945, nhiều lực lượng vũ trang đã về đứng chân: Liên chi 2-3 Bình Xuyên ở hướng Rừng Sác, Vệ quốc đoàn Biên Hòa (bộ đội Huỳnh Văn Nghệ) ở Tân Uyên và Châu Thành; Xung phong cảm tử quận Châu Thành ở Bình Thảo (Bình Phước); Vệ quốc đoàn Châu Thành ở Thiện Tân, Vệ quốc đoàn Long Thành, lực lượng trường du kích Vĩnh Cửu; quân Nam tiến ở Xuân Lộc. Và đến tháng 12-1945, chiến khu 7 thành lập do Nguyễn Bình làm Tư lệnh, lực lượng vũ trang miền Đông từng bước có sự chỉ huy và lãnh đạo thống nhất. Thị xã Biên Hòa lúc này được thực dân Pháp xây dựng, tổ chức thành một trung tâm chỉ huy đánh phá phong trào cách mạng ở miền Đông với nhiều cơ quan quân sự quan trọng, nằm trong chiến lược "đánh nhanh, chiếm nhanh và bình định nhanh" Nam bộ của Pháp.

Để đập tan luận điệu tuyên truyền của thực dân Pháp, khẳng định sự tồn tại và phát triển của lực lượng kháng chiến ở miền Đông, cổ vũ tinh thần kháng chiến của nhân dân, Tư lệnh chiến khu 7- Nguyễn Bình quyết định tổ chức trận tập kích đầu tiên vào tỉnh lỵ Biên Hòa.

Cuối tháng 12-1945, công tác tổ chức và phương án tiến công đã được thông qua. Các lực lượng vũ trang đã được điều về áp sát thị xã trên các hướng Hóa An, Tân Phong, Bình Đa...

Đêm ngày 1 rạng sáng ngày 2-1-1946, các lực lượng nổ súng tiến công vào thành Săng Đá, các tua gác ở đầu cầu Gành, nhà máy cưa BIF, các công sở của địch trong tỉnh lỵ Biên Hòa, nhà ga Biên Hòa. Thực dân Pháp hoàn toàn bị bất ngờ. Ta kiểm soát gần hết thị xã. Gần sáng, quân ta rút về. Đây là trận đột kích đầu tiên của Vệ quốc đoàn Biên Hòa có sự phối hợp của nhiều lực lượng vào một đô thị ở Nam bộ khi thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai. Tuy không chiếm giữ được một mục tiêu nào trong thị xã, nhưng trận đánh đã gây tiếng vang rất lớn, âm mưu "bình định xong Nam kỳ" của thực dân Pháp hoàn toàn bị đập tan. "Tiếng súng Biên Hòa" có sức cổ vũ, động viên rất lớn tinh thần kháng chiến của nhân dân miền Đông, nhất là nhân dân trong vùng địch còn kiểm soát, kêu gọi



được các tầng lớp nhân dân yêu nước từ mọi nơi về Biên Hòa, về chiến khu Đ tham gia kháng chiến.



*Đồng chí Nguyễn Bình (1906 - 1951)*

*Khu trưởng Khu 7 Nam Bộ, lập tổng hành dinh ở Làng An (Biên Hòa) tháng 12/1945.*

*Ảnh tư liệu*

### **3. Trận La Ngà (1-3-1948).**

Chi đội 10 là lực lượng vũ trang của tỉnh Biên Hòa, thành lập vào tháng 6-1946. Đơn vị có 1.100 quân với 3 đại đội A, B, C hoạt động ở các huyện Tân Uyên, Châu Thành, Xuân Lộc và Long Thành. Từ tháng 4-1947 đến tháng 7-1947, Chi đội 10 đã tổ chức một loạt trận đánh giao thông đường sắt Biên Hòa-Nha Trang thu nhiều thắng lợi như: Gia Huynh, Trảng Táo, Bảo Chánh 1,2, Bàu Cá. Tháng 12-1947, chi đội đánh trận giao thông Đồng Xoài trên quốc lộ 14. Tháng 2-1948, chi đội đánh bại trận càn của thực dân Pháp vào chiến khu Đ.

Đầu tháng 2-1948, Ban chỉ huy Chi đội 10 nhận được tin quân từ nội thành cho hay cuối tháng 2 hoặc đầu tháng 3, thực dân Pháp sẽ tổ chức một cuộc hội nghị quân chính ở Đà Lạt. Một đoàn công vụ sẽ hộ tống các sĩ quan, công chức cao cấp của thực dân và ngụy quyền tay sai từ Sài Gòn đi dự hội nghị Đà Lạt. Ban chỉ huy chi đội quyết định tổ chức trận phục kích giao thông trên quốc lộ 20 để đánh đoàn công vụ này. Tháng 2-1948, Huỳnh Văn Nghệ, Chi đội trưởng chi đội 10 được đề bạt Khu bộ phó Khu. Toàn bộ kế hoạch tổ chức, chỉ huy trận đánh do Nguyễn Văn Lung, Chi đội phó đảm trách. Ban chỉ huy quyết định tổ chức trận địa dài 9 km trên Quốc lộ 20 chia làm 3 trận địa A, B, C, đảm bảo chặn đầu, khóa đuôi cả đoàn xe. Trận địa giả được bố trí cách 3 km ở phía đông Quốc lộ 20 với những đồng lúa lớn để thu hút lực lượng địch lên tiếp viện bằng không quân. Quốc lộ 20 đoạn từ cây số 104 đến 113 rất khúc khuỷu, trời chiều có sương mù, nếu đánh ban trưa không có

lợi bằng đánh vào buổi chiều vì sương mù sẽ hạn chế tầm quan sát của máy bay. Ban chỉ huy đã giao nhiệm vụ cho Huyện đội Châu Thành, Xuân Lộc, bố trí bộ đội, du kích huyện bắn tỉa địch từ ngã ba Dầu Giây, cách trận địa gần 50 km; đôn ngã cây hai bên đường, đào đường, đắp chướng ngại vật để kéo dài thời gian hành quân của địch. Kế hoạch hành quân và tác chiến phải tuyệt đối bí mật, chỉ phổ biến đến cán bộ chỉ huy cấp đại đội.

Đêm 26-2-1948, Chi đội 10 cùng liên quân 17 của Quân khu 7 hành quân từ Chiến khu Đ lên Quốc lộ 20. Một bộ phận khác từ Xuân Lộc cũng hành quân lên Định Quán. Đêm 28-2, lực lượng đến điểm tập kết và bố trí trên ba trận địa. Sở chỉ huy trận đánh đặt trên đồi 100 ở km 107. Bộ phận hậu cần phục vụ y tế, ăn uống ở tả ngạn sông Đồng Nai cách 6 km. Đồng chí Bùi Cát Vũ, Giám đốc Bình công xưởng và các chiến sĩ quân giới chi đội đã có sáng kiến chôn địa lôi trên đường nhựa, dùng phân voi ngựa trang bên trên.

Sáng 1 -3-1948, đoàn xe công vụ của Pháp khởi hành từ Sài Gòn khi đến Hồ Nai, du kích quận Châu Thành bắt đầu hoạt động, bắn tỉa, quấy rối, ngã cây ra đường... Đoàn xe địch phải thường xuyên dừng lại để lính hộ tống dọn đường, rà mìn, bắn trả lại du kích. Tinh thần địch hết sức căng thẳng, mỗi mét. Quá 12 giờ, đoàn xe địch mới đến được ngã ba Dầu Giây rẽ vào Quốc lộ 20. Đến 14 giờ 20 phút, đoàn xe mới đến La Ngà. 15 giờ 02 phút, chiếc thiết giáp đi đầu bị trúng mìn ở trận địa A, tung bổng lên khỏi mặt đất, lao thêm hơn 10 mét rồi bốc cháy, nằm bẹp dí trên đường. Đoàn xe địch phía sau vẫn tiến vào trận địa. 15 giờ 17 phút, mìn ở trận địa C lại nổ khóa đuôi đoàn xe địch. Cả đoàn công vụ bị cắt làm ba khúc. Chi đội 10 và liên quân 17 từ các điểm cao dọc lộ xung phong mãnh liệt. Đại liên, trung liên, lựu đạn... của bộ đội làm cháy cả chục xe địch ngay phút đầu. Một số xe còn lại phía sau hốt hoảng quay đầu rút chạy về hướng cầu La Ngà.

Trận đánh diễn ra quyết liệt và nhanh chóng trong vòng 55 phút. 150 lính lê dương bỏ mạng, 25 sĩ quan Pháp bị chết, trong đó có đại tá De Sérigné chỉ huy bán lữ đoàn lê dương thứ 13 của Pháp, đại tá Patrius Phó tham mưu trưởng quân Pháp ở Nam Đông Dương.



*Cụm di tích chiến thắng La Ngà (đã được Bộ Văn hóa xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia theo Quyết định số 235/VH-QĐ ngày 12/12/1986)*



*Ông Huỳnh Văn Nghệ và Chính ủy Phan Trọng Tuệ tại Sở Chỉ huy Khu 7  
(Ảnh tư liệu)*





*Xác xe quân Pháp bị hỏng nặng trong trận La Ngà (ảnh tư liệu)*

#### ***4. Biên Hòa, nơi sản sinh cách đánh đặc công.***

Bị thất bại ở chiến trường Việt Bắc thu đông 1947-1948, thực dân buộc phải chuyển hướng chiến lược từ đánh nhanh thắng nhanh sang bình định Nam bộ, "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt giết người Việt". Trên chiến trường miền Đông và Biên Hòa, tướng De Latour đã cho thực hiện chiến thuật "điểm và đường". Địch cho xây dựng một hệ thống đồn bốt, tháp canh dọc các Quốc lộ 1, 15, 20, Tỉnh lộ 24, 16, nhằm bảo vệ giao thông của chúng, cắt đứt giao thông vận chuyển của kháng chiến. Với độ cao của tháp canh, địch có lợi thế quan sát xa. Tường tháp canh lại dày, lực lượng vũ trang của ta chưa có vũ khí để công phá tường tháp. Địch cho tháp canh là rất an toàn. Dựa vào ưu thế này, thực dân Pháp còn dùng tháp canh như một phương tiện để mở rộng lấn chiếm vùng căn cứ, du kích, lấn chiếm đến đâu địch cho xây tháp canh đến đó. Tính đến tháng 6-1949, ở miền Đông (cả Sài Gòn, Chợ Lớn, Khu 8), địch đã xây dựng được 200 tháp canh. Hệ thống tháp canh của Pháp gây cho ta nhiều khó khăn, việc di chuyển qua lại trên đường của ta bị địch khống chế. Trên chiến trường miền Đông, theo sự chỉ đạo của Bộ Tư lệnh khu 7, nhiều tỉnh như Thủ Dầu Một, Bà Rịa... đều tổ chức nghiên cứu đánh tháp canh. Trong lúc đó, đội du kích huyện Tân Uyên do Trần Công An chỉ huy, dựa vào cơ sở nhân dân đã điều nghiên khá kỹ tháp canh cầu Bà Kiên trên tỉnh lộ số 16.

Đêm 18 rạng 19-3-1948, tổ du kích Tân Uyên do Trần Công An, Hồ Văn Lung, Trần Văn Nguyên lên đường đánh tháp canh, vũ khí gồm 1 súng trường, 8 lựu đạn (1 của Mỹ, 7 tự tạo) và một chiếc thang cây (dùng để hái trà, mượn của nhân dân). Cả ba du kích ở trần, dùng bùn non bôi lên người. Các anh vượt qua hàng rào quanh tháp, áp thang vào tường (hai đầu thang có bọc vải để không gây tiếng động). Cả ba anh đều leo lên thang, dùng lựu đạn đánh vào cả ba tầng tháp

canh. Toàn bộ 11 tên lính trong tháp đều bị chết, ta thu 8 súng và 20 lựu đạn. Trận đánh tháp canh cầu Bà Kiên của du kích Tân Uyên gây tiếng vang lớn. Lần đầu tháp canh Đờ La-tua bị đánh hạ. Với lối đánh bí mật, tiếp cận, lợi dụng sơ hở của địch để tiến công mục tiêu, du kích Tân Uyên, Biên Hòa đã mở ra một cách đánh mới để hạ tháp canh.

Tháng 11-1949, Bộ Tư lệnh khu 7 mở hội nghị quân sự toàn khu tại Tân Hòa để bàn về chuyên đề đánh tháp canh. Từ kinh nghiệm trận đánh tháp canh cầu Bà Kiên của du kích Tân Uyên, hội nghị đã rút ra nhiều kinh nghiệm quý để từng bước hoàn thiện kỹ thuật nghiên cứu, tiếp cận mục tiêu, hóa trang và vượt các chướng ngại... Đồng thời Bộ tư lệnh chỉ đạo cho Binh công xưởng nghiên cứu, chế tạo thành công mìn FT có khả năng phá được tường tháp canh. Công tác huấn luyện cách đánh tháp canh được tiến hành tại chiến khu Đ với du kích Tân Uyên làm chiến sĩ mẫu.

Đêm 22-3-1950, ba trăm chiến sĩ, du kích chia làm 50 tổ đánh cùng lúc 50 tháp canh trên các Quốc lộ 1, 16, liên tỉnh 16, 24... Các tháp canh đều bị đánh thủng một lỗ to từ 0,8 mét đến 1,5 mét. Sau trận đánh, Bộ Tư lệnh khu 7 tiếp tục rút kinh nghiệm, chỉ đạo cải tiến vũ khí bằng cách đánh bồi thêm một quả mìn bê-ta khi tường tháp bị đánh thủng.

Đêm 19-4-1950, tổ đánh tháp canh của Tân Uyên do Trần Công An chỉ huy với FT và bê-ta, đánh sập hoàn toàn tháp canh cầu Bà Kiên lần thứ hai. Sau đó, tháng 5-1950, tổ lại đánh sập tháp canh Vàm Giá (Quốc lộ 14). Với trận Vàm Giá, kỹ thuật đánh tháp canh đã hoàn thiện.



*Bia tường niệm Tháp canh cầu Bà Kiên (nay thuộc phường Thạnh Phước, TX.Tân Uyên)*

Hội nghị quân sự Khu 7 năm 1950 đã kết luận cách đánh tháp canh bằng cách tiếp cận mục tiêu, dùng mìn FT+bê-ta là cách đánh đặc công. Ngày 25-5-1950, đại đội Nguyễn Văn Nghĩa được thành lập, được công nhận là đại đội đặc

công đầu tiên ở Nam bộ. Kỹ thuật đặc công từ Biên Hòa được phổ biến ra khắp miền Đông, góp phần đánh bại chiến thuật Đờ La-tua của Pháp. Từ 1952, cách đánh đặc công được phổ biến về miền Tây Nam bộ. Như vậy từ Biên Hòa, cách đánh đặc công đã ra đời, đó là kết quả của phong trào du kích phát triển cao với tinh thần sáng tạo trong chiến đấu và chế tạo vũ khí thích hợp. Biên Hòa cũng là nơi xây dựng đơn vị đặc công đầu tiên ở Nam bộ. Ngày 19-3-1948 sau này được lấy làm ngày truyền thống của binh chủng Đặc công.



*Một công binh xưởng năm 1950. Ảnh tư liệu*



*Đại tá Trần Công An (1920-2008)*

## **5. Chiến khu Đ lừng lẫy**



Khởi phát của căn cứ địa cách mạng Chiến khu Đ là các xã Mỹ Lộc, Tân Hòa, Tân Tịch, Thường Lang, Lạc An của huyện Tân Uyên (nay thuộc tỉnh Bình Dương). Nơi đây từ năm 1940, đã hình thành đội du kích Nam kỳ khởi nghĩa của tỉnh Biên Hòa. Khi cuộc khởi nghĩa thất bại, đội du kích do ông Nguyễn Văn Quý (Chín Quý) chỉ huy rút vào khu vực rừng Tân Uyên, bảo toàn được lực lượng cho đến khi Cách mạng tháng Tám thành công.

Khi thực dân Pháp chiếm tỉnh lỵ Biên Hòa (25-10-1945), một bộ phận của Ủy ban kháng chiến miền Đông do Huỳnh Văn Nghệ chỉ huy về Tân Tịch, kết hợp cùng đội du kích Nam kỳ khởi nghĩa và trại du kích Vĩnh Cửu, hình thành Vệ quốc đoàn Biên Hòa.

Tháng 12-1945, Chiến khu 7 ra đời do Nguyễn Bình làm Tư lệnh về đóng tại Lạc An. Tháng 2-1946, sau hội nghị quân sự khu Đông, Bộ tư lệnh quyết định xây dựng căn cứ địa và đặt tên là Chiến khu Đ, trung tâm là xã Lạc An. Từ tháng 3-1946, Bộ tư lệnh Khu 7 dời về Đông Thành, Chiến khu Đ trở thành căn cứ địa kháng chiến của tỉnh Biên Hòa. Phạm vi Chiến khu Đ gồm 5 xã, nam giáp sông Đồng Nai, bắc giáp sông Bé, tây giáp Tỉnh lộ 16. Đây là nơi đóng cơ quan lãnh đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến hành chính tỉnh Biên Hòa, Thủ Biên; các cơ quan Dân, Chính, Đảng của tỉnh, của huyện Tân Uyên; Chi đội 10, Trung đoàn 310, liên trung đoàn 301-310 cùng các cơ quan Binh công xưởng, Quân nhu với một hệ thống sản xuất gồm các nông trường ở Lạc An, vàm Sông Bé, Giáp Lạc... Rừng chiến khu Đ trải dài từ bắc Biên Hòa đến rừng Tây Nguyên, tạo thành một hành lang nối liền miền Đông Nam bộ với Liên khu 5 và ra hậu phương lớn. Chiến khu Đ lại chỉ cách Biên Hòa - trung tâm chỉ huy đầu não của địch ở miền Đông, Sài Gòn thủ phủ ngụy quyền Sài Gòn không xa. Bằng đường giao liên bí mật, công khai, các lực lượng kháng chiến xâm nhập vào các thị xã, thị trấn, vùng tạm chiếm, tiến công các cơ quan đầu não, kho tàng của thực dân.

Từ Chiến khu Tân Uyên, đêm 1-1-1946, các lực lượng vũ trang Biên Hòa, miền Đông tổ chức tiến công đầu tiên vào các công sở, nơi đóng quân của thực dân Pháp trong tỉnh lỵ Biên Hòa. Đòn tiến công bất ngờ này gây tiếng vang lớn ở Nam bộ.

Từ căn cứ địa chiến khu Đ, Chi đội 10 Biên Hòa đã mở hàng loạt trận đánh giao thông đường bộ, đường sắt ngoài căn cứ phối hợp nhịp nhàng với chiến trường chung đánh bại cuộc hành quân của thực dân Pháp đánh vào Chiến khu Việt Bắc thu đông 1947. Đó là các trận Gia Huynh, Trảng Táo, Bảo Chánh, Bàu Cá, Đồng Xoài, nhất là trận giao thông chiến nổi tiếng La Ngà.

Trong kháng chiến 9 năm, Biên Hòa ở phía đông Sài Gòn, là nơi đóng các cơ quan đầu não của địch ở miền Đông, Chiến khu Đ tồn tại là mối đe dọa lớn cho



thực dân Pháp ở Biên Hòa và Sài Gòn. Kẻ thù khiếp sợ Chiến khu Đ chính là vì thế trận "thiên la địa võng" của căn cứ. Làng kháng chiến đã hình thành khắp nơi trong căn cứ với hàng trăm loại cạm bẫy: chông tre, chông đinh, lựu đạn gài, mìn gài, đập lôi... để đánh bại bao cuộc hành quân càn quét lớn của địch vào căn cứ. Kẻ thù lần chiếm, phong tỏa, bao vây, đánh phá chiến khu bằng bom đạn, triệt phá kinh tế, biệt kích, gián điệp... hòng tiêu diệt cơ quan đầu não, dự trữ kinh tế kháng chiến nhưng đều bị thất bại, lại hao binh tổn tướng. Trận càn tháng 2-1948 với 2.000 quân của Pháp có hải quân, pháo binh, máy bay yểm trợ đã bị thất bại ê chề. Phương tiện chiến lợi phẩm ta tịch thu của Pháp trong trận này lại góp phần tăng thêm sức mạnh để bộ đội Biên Hòa làm nên chiến thắng La Ngà.

Chiến khu Đ trải qua không ít khó khăn, nhất là bão lụt tháng 10 năm Nhâm Thìn 1952. Địch càn quét liên tục 52 ngày đêm vào căn cứ, lực lượng ta chận đánh gây cho địch thương vong nặng phải rút lui. Ta tuy có khó khăn trong cơn bão lụt nhưng bộ đội đã chủ động tấn công bức rút đồn Rạch Đông, phá sập hệ thống tháp canh của địch ven căn cứ từ Rạch Đông đến Cây Đào.

Kết hợp với chiến dịch Điện Biên Phủ (đông xuân 1953-1954), từ Chiến khu Đ, các lực lượng vũ trang chủ lực, địa phương, du kích mở đợt tấn công địch, bao vây, bức rút các đồn bót địch ở Thường Lang, Tân Tịch, Tân Hòa, Mỹ Lộc (huyện Tân Uyên), các đồn bót ven chiến khu như: Phước Hòa, Tân Định, Đại An, Rạch Đông, vây lấn địch mở rộng Chiến khu Đ ra giáp sông Đồng Nai, đường 16 lên giáp Sông Bé.

Tại Nhà Nai tháng 8-1954, Tỉnh ủy Thủ Biên tổ chức cuộc mít tinh lớn mừng thắng lợi cuộc kháng chiến. Các lực lượng vũ trang chia tay nhân dân để lên đường tập kết ra miền Bắc, hẹn hai năm sau gặp lại. Chiến khu Đ đã góp phần hoàn thành nhiệm vụ kháng chiến chống thực dân Pháp.



Sơ đồ di tích căn cứ khu ủy Miền Đông Nam Bộ



*Hội trường Bộ chỉ huy Miền*



*Chỉ huy trưởng Vệ Quốc đoàn Biên Hòa Huỳnh Văn Nghệ trong Chiến khu Đ (Ảnh tư liệu)*



*Tượng lãnh đạo Khu ủy miền Đông qua các thời kỳ*

### **III. KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC**

## *1. Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp:*



*Trung tâm cải huấn Tân Hiệp, được xây dựng vào năm 1955 tại xã Bình Trươc, quận Đức Tu, tỉnh Biên Hòa (nay thuộc P.Tân Tiến, TP.Biên Hòa). Ảnh tư liệu*

Trong những năm tháng đánh Mỹ, cuộc nổi dậy phá ngục của các chiến sĩ cộng sản và đồng bào yêu nước ở nhà tù Tân Hiệp Biên Hòa là một minh chứng hùng hồn về ý chí gang thép, hành động dũng cảm quật cường, quyết chiến đấu và hy sinh vì độc lập và tự do của Tổ quốc.

Ngay sau khi hiệp định Giơ-ne-vơ vừa được ký kết (tháng 7/1954), đế quốc Mỹ đã công khai phá hoại. Chúng thiết lập ngay bộ máy cai trị, lập chính phủ bù nhìn, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và tiền đồn chống cộng của chúng ở Đông Nam Á. Ngô Đình Diệm liên tục mở các chiến dịch "tổ cộng, diệt cộng", mở rộng hệ thống nhà tù để giam cầm, đày ải, truy bức cán bộ, đảng viên và đồng bào yêu nước ở miền Nam. Hàng trăm, hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ cách mạng bị địch bắt đưa về giam giữ ở các nhà tù khắp miền Nam, trong đó có nhà tù Tân Hiệp, Biên Hòa - "Trung tâm huấn chính" Biên Hòa có diện tích 3.600 mét vuông. Đến thời điểm tháng 12-1956, số lượng tù nhân bị địch giam giữ ở đây là 1.872 người trong đó có nhiều nhân sĩ trí thức yêu nước nổi tiếng như: Kỹ sư Lê Văn Thả; nhà văn, nhà báo Dương Tử Giang, Trần Ngọc Sơn, Lý Văn Sâm, Nguyễn Văn Mai, Phạm Thị Lạng...

Tháng 11-1956, kế hoạch nổi dậy phá khám Tân Hiệp cơ bản đã hình thành. Đảng ủy nhà tù do đồng chí Nguyễn Duy Đán làm Bí thư, hạ quyết tâm thực hiện kế hoạch đã đề ra. Công tác tiến hành được chuẩn bị tuyệt đối bí mật, chặt chẽ và chu đáo. 17 giờ 40 phút, tất cả các đồng chí trong lực lượng xung kích đều đã ở trong tư thế sẵn sàng. 17 giờ 45 phút mà trời đã nhá nhem tối. Một số đồng chí trong các tổ xung kích mình trần, mặc quần đùi đi lại bên ngoài sân trại. Số các tù nhân ở các trại D, E, G là những anh em đã được phổ biến trước đều đứng hoặc



ngồi trước cửa, thấp thỏm chờ giờ hành động. 17 giờ 50 phút, khi tên lính trực vừa đánh keng báo cho tù nhân vô trại, thì tiếng hô "xung phong" vang dậy khắp nơi. Các mũi xung kích nhanh chóng tiến thẳng đến các mục tiêu đã được phân công. Tổ xung kích do các đồng chí Lê Toàn Thư, Nguyễn Văn Cội trực tiếp chỉ huy đã xông thẳng vào kho vũ khí, bắt trói tên trưởng trạm gác, thu toàn bộ vũ khí trong kho; một tổ khác xông vào nhà tên giám đốc trại giam, khống chế hẳn và số lính lái xe, bảo vệ; sau đó tiến vào văn phòng trại giam bắt trói tên thượng sĩ chỉ huy lính bảo an, cắt đứt đường dây điện thoại. Anh em tù nhân từ các trại D, E, G ồ ạt chạy về phía cổng. Làn sóng người tuôn ra như nước vỡ bờ. Chỉ trong 15 phút đầu, lực lượng xung kích hoàn toàn làm chủ tình hình. Hơn 15 phút sau bọn chúng mới hoàn hồn, vội vã nổ súng và truy đuổi. Trước các làn đạn phản kích, bắn xối xả của địch, một số anh em ta chạy ra sau bị trúng đạn hy sinh (22 người) và bị thương khá nhiều, nằm trước cổng trại, sân banh và ven bờ suối. Cuộc nổi dậy phá khám diễn ra trong vòng 40 phút. Đến 18 giờ 30 phút, toàn bộ số tù nhân còn lại đều bị gom vào lại các trại. Bên ngoài trại giam, 22 thi thể đồng chí hy sinh và 6 người bị thương nặng nằm rải rác ngay trước cổng trại, sân banh và ven bờ suối Đồng Tràm; 462 đồng chí thoát được đã trở về được với Đảng, với dân.

Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp ngày 2-12-1956 là một nét son chói lọi, là sự tiếp nối truyền thống đấu tranh kiên cường của Đảng và của nhân dân ta. Đây là cuộc nổi dậy phá khám để tự giải phóng có quy mô lớn nhất, là nguồn bổ sung to lớn và vô cùng quý báu đối với lực lượng cách mạng miền Nam nói chung và các tỉnh miền Đông Nam bộ nói riêng trong những ngày đầu chuẩn bị cho phong trào khởi nghĩa vũ trang tiến lên Đồng khởi ở miền Nam.



*Nhà lao Tân Hiệp đã được Bộ Văn hóa – Thông tin xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia theo Quyết định số 2754/QĐ-BT ngày 15/10/1994.*





Đồng chí Lý Văn Sâm(1921-2000)

## **2. Trận đầu diệt Mỹ tại Nhà Xanh (BIF).**

Lo sợ trước làn sóng đấu tranh cách mạng của nhân dân ta đang dâng lên mạnh mẽ khắp nơi ở miền Nam, cay cú trước những thất bại về quân sự, chính trị, ngoại giao, ngày 1 tháng 12 năm 1958, Mỹ - Diệm đã man đầu độc giết hại hàng trăm cán bộ, đảng viên và đồng bào yêu nước ở nhà tù Phú Lợi (Bình Dương). Cả nước căm phẫn. Tỉnh ủy Biên Hòa chỉ đạo ngay cuộc đấu tranh chính trị với quy mô lớn trong toàn tỉnh. Bất chấp sự ngăn cấm khủng bố của địch, hàng ngàn đồng bào ở các huyện thị ở Biên Hòa, Long Khánh kéo về Sài Gòn, các thị xã, thị trấn biểu tình vạch trần bộ mặt phát xít tàn bạo của chế độ Mỹ - Diệm.

Tháng 5 năm 1959, Mỹ - Diệm ban hành luật 10/59 lê máy chém đi khắp miền Nam gây nhiều tội ác với đồng bào ta, hành hình cán bộ, đảng viên không cần xét xử. Để ngăn chặn những hành động tội ác của giặc mà bọn đầu sỏ chỉ huy là bè lũ cố vấn Mỹ, ban lãnh đạo Liên tỉnh ủy miền Đông quyết định tổ chức lực lượng tập kích vào trụ sở phái đoàn cố vấn quân sự Mỹ (MAAG) đóng tại nhà máy của BIF thị xã Biên Hòa. Tháng 2-1959, đồng chí Nguyễn Văn Hoa cùng một số chiến sĩ trong đơn vị được Liên Tỉnh ủy miền Đông cử vào thị xã Biên Hòa để nắm tình hình đoàn cố vấn quân sự Mỹ.

Cuối tháng 6-1959, Liên Tỉnh ủy và Ban Quân sự miền Đông thông qua phương án trận tập kích vào cư xá bọn cố vấn quân sự Mỹ ở Biên Hòa. Thời gian được ấn định vào 19 giờ ngày 7-7-1959.

Chiều tối ngày 5-7-1959, từ căn cứ Chiến khu Đ, phân đội đặc công gồm 6 đồng chí Hưng, Huê, Bé, Phú, Sắc do Nguyễn Văn Hoa chỉ huy nhận lệnh xuất phát. Ngay đêm hôm đó, đơn vị đã về đến gò Cây Trâm Muối, rừng Tân Phong - khu căn cứ của Thị ủy Biên Hòa.

Ngày 6-7-1959, đồng chí Bí thư Thị ủy vào căn cứ gặp mặt toàn đội, trao đổi thêm tình hình và kế hoạch tác chiến. Đêm 6-7, phân đội bí mật hành quân về một vạt rừng chồi ở Gò Me, ém quân phía sau nhà má Nguyễn Thị Xuân một cơ sở cốt cán của Thị ủy Biên Hòa. 18 giờ ngày 7-7-1959, đồng chí Hưng và anh Năm được lệnh quan sát mục tiêu lần cuối. Khoảng 19 giờ, phân đội hóa trang như một toán lính đi tuần từ Gò Me dọc theo bờ ruộng tiến thẳng vào khu cư xá. Bên trong cư xá, 6 tên cố vấn Mỹ đang chăm chú xem phim. Khi bọn lính đến phiên đổi gác, các chiến sĩ đặc công nhanh chóng theo lối công phụ tiến vào áp sát khu cư xá. Hai đồng chí bí mật núp sau cửa sổ chĩa súng vào bên trong sẵn sàng nhả đạn. Hai đồng chí Sắc và Huê mang mìn theo lối cửa hông, lợi dụng lúc địch tắt đèn xem phim, đưa mìn vào đặt sẵn trong phòng. Nhưng khi các anh mới vào phòng, đèn bỗng bật sáng. Cuốn phim thứ nhất đã kết thúc, tên trung sĩ Ovmand mở công tắc đèn để thay phim. Trước tình huống bất ngờ, đồng chí Năm Hoa ra lệnh nổ súng. Mấy loạt tiêu liên từ hai phía cửa sổ bắn thẳng vào phòng. Thiếu tá Buis mới tới Biên Hòa hai ngày và trung sĩ Ovmand trúng đạn chết tại chỗ, đại úy Boston bị thương. Cùng lúc, đồng chí Huê ôm quả mìn bước lên bậc tam cấp cửa hông thì đụng phải tên bồi bàn đang hốt hoảng chạy xuống. Tiếp đó, một tên Mỹ khác cũng nhảy xuống trườn qua phòng bên để tắt đèn. Không để cho địch kịp thời phản ứng và nhận rõ thời cơ diệt địch, đồng chí Huê đã chấp nhận hy sinh. Anh hô to: "chăm điện". Đồng chí Sắc ở phía sau chập mạch hai đầu dây khỏi pin. Một quang lửa chớp sáng kèm theo một tiếng nổ lớn làm rung chuyển cả khu vực cư xá. Hệ thống đèn điện trong phòng phụt tắt. Đồng chí Huê hy sinh, đồng chí Sắc bị thương. Bốn đồng chí còn lại xông vào nhà quét vài loạt đạn vào nơi có tiếng kêu gào, rên la của bọn Mỹ và nhanh chóng diu đồng chí Sắc, đưa tử sĩ rút ra ngoài. Ngay lúc trận đánh diễn ra, đồng chí Nguyễn Thành Long, tự vệ mật đã kịp thời nổ súng diệt tên lính gác cổng. Một số tự vệ mật khác cũng nhanh chóng cho nổ thủ pháo ở khu nhà tên chỉ huy lính bảo vệ và trại lính, làm nhiệm vụ kèm chân địch, không cho chúng phản công đánh vào sau lưng phân đội đặc công.

Trận đánh diễn ra chưa đầy 15 phút. Tất cả các đơn vị địch đều không kịp phản ứng, kể cả bọn lính bảo vệ nằm sát cư xá. Theo phương án định sẵn, các chiến sĩ đặc công vượt lỗ hồng hàng rào, qua sân banh, băng lộ 15 hướng suối Sơn Máu rút về chiến khu an toàn. Các chiến sĩ tự vệ nhanh chóng cất giấu vũ khí, thay đổi trang phục, trở lại cuộc sống bình



*Di tích lịch sử Nhà Xanh (tọa lạc trong khuôn viên Trường Công nhân Kỹ thuật Đồng Nai, thuộc P.Thống Nhất, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng là di tích lịch sử cấp Quốc gia theo Quyết định số 235/VH-QĐ ngày 12/12/1986)*

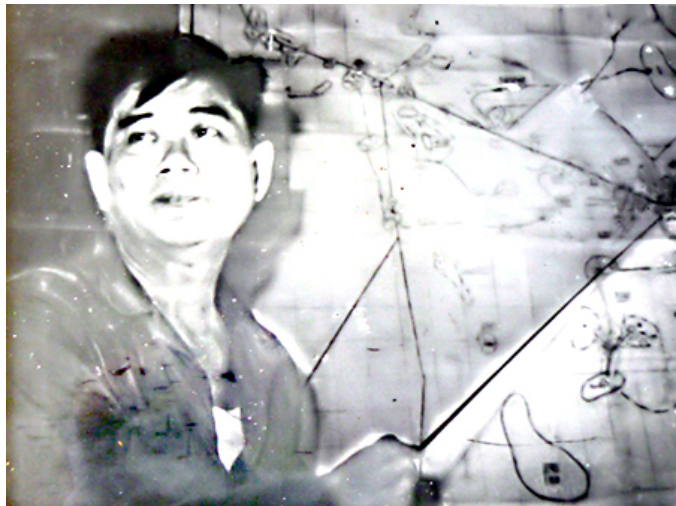
### **3. Trận đánh đầu tiên vào sân bay Biên Hòa.**

Sân bay Biên Hòa là một căn cứ quân sự do thực dân Pháp xây dựng trước năm 1945. Năm 1958, Mỹ bắt đầu mở rộng xây dựng thành một sân bay quân sự lớn ở miền Nam. Đến năm 1964, thành sân bay quân sự thuộc loại tối tân nhất ở Đông . Từ tháng 4-1964, Bộ Tư lệnh Miền đã có chủ trương mở trận tập kích vào sân bay Biên Hòa để tạo điều kiện mở một chiến dịch vào cuối năm.

Tháng 9-1964, đồng chí Lương Văn Nho, Đoàn trưởng pháo binh U80 Miền và bộ phận trinh sát về Chiến khu Đ trực tiếp làm việc cùng Tỉnh ủy, Tỉnh đội Phước Thành chuẩn bị cho trận đánh.

Đêm 31-10-1964, 7 khẩu đội cối 81 ly, 2 khẩu đội ĐKZ 75 ly, 2 khẩu pháo bộ binh 70 ly với 176 quả đạn đã bí mật chiếm lĩnh, xây dựng trận địa.

23 giờ 20 phút ngày 31-10-1964, các loạt pháo nổ đồng loạt vào các mục tiêu trong sân bay Biên Hòa. Các đồng chí Tô Thái, Tiêu Ngọc Tiên cán bộ chỉ huy trực tiếp đứng trên một chạc cây cao để quan sát và hiệu chỉnh cho pháo bắn. Sân bay Biên Hòa bị bao trùm bởi tiếng nổ và khói lửa. Tiếng nổ làm chấn động cả thị xã Biên Hòa và thành phố Sài Gòn. Khi máy bay địch từ Tân Sơn Nhất lên bắn chi viện xuống các đường băng, các chiến sĩ pháo binh đã rút về Chiến khu Đ an toàn. Kết quả ta bắn cháy, làm hư hại nặng 59 máy bay các loại, trong đó có 21 máy bay ném bom chiến lược B57 Mỹ vừa đưa sang, 11 phóng pháo cơ Xca-rai- đơ, một máy bay do thám U2, 3 máy bay lên thẳng, 1 kho đạn pháo 105 ly, 1 đài quan sát sân bay... Nhiều sĩ quan kỹ thuật, binh lính bị chết.



*Ông Lương Văn Nho lên kế hoạch đánh sân bay Biên Hòa năm 1964. (Ảnh tư liệu)*

#### **4. Những chiến công của lính đặc công**

##### **a. Đánh Tổng kho Long Bình**

Từ năm 1965, đế quốc Mỹ đã tiến hành san ủi rừng lập Tổng kho Long Bình để đảm bảo hậu cần cho lực lượng quân viễn chinh Mỹ ở miền Nam. Long Bình là kho hậu cần vào loại lớn nhất của Mỹ ở miền Nam, cung ứng bom đạn và các thiết bị chiến tranh cho quân đội Mỹ ở miền Nam. Từ cuối năm 1965, đặc công U1 (Biên Hòa) đã tiến hành nghiên cứu Tổng kho Long Bình. Nhiều lần đột nhập vào bên trong kho để trinh sát, lên sơ đồ, đặc biệt là kho đôi 53 và đôi 50.

Ngày 22-6-1966, sáu đặc công gồm: Nguyễn Tấn Vàng (Ba Vàng) mũi trưởng, Nguyễn Văn Thái (Tur Già) mũi phó, Bùi Văn Hòa, Trịnh Văn Thoàn, Phạm Văn Hòa, Nguyễn Văn Rô vào được mục tiêu, chia làm 3 tổ do Nguyễn Văn Vàng, Nguyễn Văn Thái, Bùi Văn Hòa làm tổ trưởng. Ba tổ bí mật vượt qua các lớp rào, lọt vào khu kho đôi 53. Theo kế hoạch, cứ cách 1 hoặc 2 kho các anh đặt một quả mìn. Đêm 22-6, khi các chiến sĩ đã đặt trái xong, rút khỏi mục tiêu, khu kho đôi 53 bắt đầu nổ tung. Tiếng nổ làm chấn động cả Biên Hòa và Sài Gòn. Lửa khói từ trong kho Long Bình cuộn lên thành hình cây nấm khổng lồ. Tiếng nổ liên tục đến ngày hôm sau. Bốn mươi ngàn quả đạn đại bác ở khu kho đôi 53 bị phá hủy.

Đây là trận tiến công đầu tiên vào Tổng kho Long Bình của Mỹ, phá hủy và gây thiệt hại nặng cho địch, ta giành thắng lợi lớn, mở đầu cho hàng loạt trận tiến công sau này của đặc công Biên Hòa.





*Tổng kho và căn cứ Long Bình nhìn từ trên cao.(Ảnh tư liệu)*

**a. Cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai của Mỹ (1966-1967)**

Nét nổi bật của đặc công Biên Hòa là sẵn sàng chiến đấu phối hợp kịp thời, nhịp nhàng cùng chiến trường miền Nam theo chỉ đạo của Bộ chỉ huy Miền. Trong 3 tháng 10, 11, 12-1966, để hỗ trợ toàn miền đánh bại cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ 2 của Mỹ, đặc công U1 đã ba lần tấn công kho Long Bình, phá hủy 353.000 quả đạn pháo 105, 155, 175 ly.

Tháng 2-1967, khi đế quốc Mỹ chuẩn bị mở trận càn Gian-xơn-xi-ty (Junction City) vào căn cứ bắc Tây Ninh, các lực lượng đặc công, biệt động Biên Hòa đã liên tục tấn công vào hai mục tiêu sân bay Biên Hòa và kho Long Bình. Cùng lúc đội 1 đặc công tấn công sân bay Biên Hòa, đêm 3-2-1967, đội 2 đặc công U1 đánh vào khu kho đồi 53 với 4 quả mìn hẹn giờ. 2 giờ 45 phút ngày 4- 2, khu kho đồi 53 lại bị nổ tung, tiếng nổ kéo dài suốt 30 giờ đồng hồ. Ta phá hủy 40 dãy kho với 800.000 quả đạn đại bác của Mỹ.



*Ông Nguyễn Văn Thanh (trái) cùng đồng đội Nguyễn Văn Hải ôn lại những trận đánh vào sân bay Biên Hòa.*

Địch chưa hết bàng hoàng trước các trận đánh của đặc công thì đầu tháng 3-1967, biệt động thị xã Biên Hòa do hai chiến sĩ Sáu Châu, Sáu An chỉ huy đã đánh vào kho xăng dầu Biên Hòa nằm cách cầu Gành 200 mét, dùng mìn hẹn giờ làm nổ tung 2 bồn chứa xăng dầu và 200 phuy xăng, thiêu hủy hàng triệu lít xăng dầu.

*b) Góp phần vào thắng lợi cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968)*

Trong cuộc tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968, Tiểu đoàn 2 đặc công Biên Hòa đánh vào khu kho đồi 53, phá hủy 127 dãy kho bom đạn. Đặc công Biên Hòa (tiểu đoàn 1) cùng Sư đoàn 5 (chủ lực Miền), Trung đoàn ĐKB pháo binh Miền tiến công vào sân bay quân sự Biên Hòa, phá hủy 120 máy bay các loại. Chiến dịch xuân Kỷ Dậu 1969, đại đội 9 Tiểu đoàn 2 đặc công Biên Hòa đánh khu kho đồi 50, 53, bom pháo bị phá hủy, nổ liên tục trong 7 ngày đêm.



*Sân bay Biên Hòa bị tiến công bốc cháy năm 1968( Ảnh tư liệu)*

*d) Đại thắng mùa xuân năm 1972*



*Trung đoàn đặc công 113 chiếm lĩnh trận địa. (Ảnh tư liệu)*



Mùa xuân 1972, chiến dịch toàn miền, chiến dịch Nguyễn Huệ nổ ra ở miền Đông Nam bộ. Tiểu đoàn 1 và 2 đặc công Biên Hòa được Bộ chỉ huy Miền quyết định điều động làm nòng cốt để xây dựng đoàn đặc công 113.

Ngày 12-8-1972, tiểu đoàn 9 đặc công Đoàn 113 gồm 57 chiến sĩ chia làm 3 mũi đột nhập vào khu kho đồi 53. Thuận lợi là trong đêm đó, địch mở cửa kho để xả hơi, do đó đặc công ta vào được trong kho đặt mìn vào các dãy kho. Từ 1 giờ 40 phút đến 4 giờ 30 phút ngày 13-8-1972, khu kho đồi 53 bị nổ tung, phá hủy 5.430 tấn bom đạn, 200 tấn thuốc nổ và một số kho tàng, nhiên liệu khác, phá hủy 17 gian nhà lính, 300 lính Mỹ ngụy đền tội.

*e) Tấn công kho Thành Tuy Hạ và đánh tàu trên sông Lòng Tàu.*



*Việc nghiên cứu, chế tạo ra ngòi nổ hẹn giờ đã giúp Đặc công rừng Sác lập được nhiều chiến công đặc biệt xuất sắc. (Ảnh tư liệu)*



*Các chiến sĩ Đặc công rừng Sác cưa bom địch lấy thuốc nổ để đánh tàu, xuồng và các kho tàng của địch. (Ảnh tư liệu)*

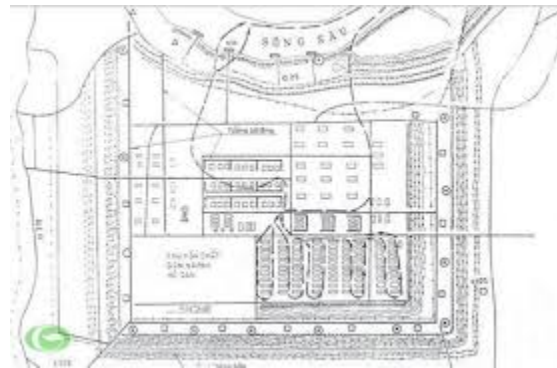
Thành Tuy Hạ là kho dự trữ bom đạn lớn của Mỹ ở miền Nam, có tính chất trung chuyển đi các nơi. Kho đạn Thành Tuy Hạ do Pháp xây dựng, được Mỹ sửa

chữa, nâng cấp và mở rộng, nằm về phía đông nam Sài Gòn khoảng 18 km, kẹp giữa hai con lộ 25 và 19 thuộc huyện Nhơn Trạch, Biên Hòa (cũ), được yểm trợ của lực lượng giang thuyền (18 chiếc) từ Nhà Bè, Cát Lái đến kho Long Bình. Từ năm 1965, sông Lòng Tàu trở thành đường vận chuyển chiến lược của Mỹ để đưa thiết bị chiến tranh vào miền Nam.

Tháng 6-1966, đặc khu Rừng Sác được thành lập, sau này gọi là Đoàn 10 đặc công Rừng Sác. Nhiệm vụ của Đoàn 10 đặc khu Rừng Sác là: đánh tàu chở hàng quân sự trên sông Lòng Tàu, đảm bảo một hướng tiến công vào đầu não, sào huyệt cuối cùng của địch và đánh cảng quân sự nhằm phá hủy các phương tiện chiến tranh, nhiên liệu của địch; hỗ trợ phong trào cách mạng địa phương; xây dựng bàn đạp hành lang, tạo thế vững chắc để có thể hoạt động trong mọi điều kiện...Đoàn 10 đặc công Rừng Sác hoạt động ở địa hình sông nước, phức tạp, thường xuyên thiếu nước ngọt, lương thực, lại phải liên tục chống địch càn quét. Đoàn phải bám dân xây dựng cơ sở cách mạng, phát huy tinh thần tự lực tự cường, ngoài vũ khí được trang bị, tự sáng tạo vũ khí để đánh địch. Trên địa bàn Biên Hòa, hai trận đánh kho Thành Tuy Hạ của Đoàn 10 đặc công Rừng Sác phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch.

Đêm 11-11, lực lượng đặc công do Nguyễn Hữu Hòa chỉ huy đã vượt qua các lớp rào kẽm gai với nhiều bãi mìn, lựu đạn. Mười sáu khối thuốc nổ hẹn giờ được gắn vào các kho bom, chất nổ. Kho bom Thành Tuy Hạ nổ tung, gây thành đám cháy lớn. Hơn 10.000 tấn bom đạn, 33 nhà kho bị hủy diệt. Sau trận tháng 11, địch tăng cường phòng thủ kho càng nghiêm ngặt hơn, lập thêm nhiều hàng rào thiếc cao 2,5 mét, chôn sâu xuống đất 3 tầng quanh chu vi kho, không thể cắt được. Địch tăng cường phục kích giữa hai lớp rào, cách 15 mét lại có đèn cao áp soi sáng. 16 giờ ngày 10-12, chiến sĩ đặc công Đoàn 10 do đội trưởng Quyết chỉ huy lên đường từ khu lòng chảo (Nhơn Trạch) đến bàn đạp thị trấn. 23 giờ ngày 11-12, đội đặc công với 24 khối chất nổ C4 hẹn giờ và dụng cụ chiến đấu thả người theo dòng nước. Cả tổ đến khu kho vào lúc 3 giờ ngày 12-12 và ém lại trong kho. 19 giờ, đội trưởng Quyết vận động về phía nam 500 mét đã tìm thấy kho bom. Anh quay trở lại đưa cả tổ vào khu vực đánh. Mỗi dãy kho cách nhau từ 15 đến 20 mét. Các chiến sĩ đặt khối thuốc nổ theo cách nổ lan truyền từ trong ra với các dãy 1,3,5,7,9. 2 giờ 55 phút ngày 13-12- 1972, kho bom Thành Tuy Hạ lại nổ tung. Ta đã phá hủy 8 dãy nhà (80 gian) gồm 47 gian kho đạn pháo 105 ly chiếm 109.557 mét khối; 14 gian kho bom CBU chiếm 33.937 mét khối, 19 gian kho chứa bom khác chiếm 60.192 mét khối. Đặc công đã phá hủy 18.057 tấn, bằng 80% số lượng bom đạn của khu kho.





*Kho vũ khí Thành Tuy Hạ (Ảnh tư liệu)*

### **5. Tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968.**

Tháng 10-1967, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã có Nghị quyết mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy, tiến công vào toàn bộ các đô thị của địch ở miền Nam Việt Nam. Nghị quyết của Bộ Chính trị đã được Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 14 thông qua vào tháng 1-1968. Thị xã Biên Hòa, một trọng điểm của chiến trường miền Đông, các mục tiêu tiến công quan trọng là: sân bay Biên Hòa, Tổng kho Long Bình, Bộ Tư lệnh 2 dã chiến Mỹ (trong khu vực Long Bình), Quân đoàn 3 ngụy, Nha cảnh sát miền Đông...

2 giờ sáng ngày 31-1-1968 (đêm 30 tết Mậu Thân), trận địa pháo Trung đoàn DKB tại Hiếu Liêm đúng giờ G ngày N đã bắn cấp tập vào sân bay Biên Hòa, làm hiệu lệnh cho cuộc tiến công và nổi dậy ở Biên Hòa. Ngay phút đầu, đoàn pháo 724 đã bắn trên 120 viên đạn pháo tên lửa trúng khu nhân viên kỹ thuật, Sở chỉ huy sân bay, kho xăng, kho đạn trong sân bay Biên Hòa. Những cột khói lớn bốc lên từ sân bay xen lẫn với tiếng nổ, ánh chớp của lửa đạn. Đại đội 1 thuộc Tiểu đoàn 1 đặc công Biên Hòa, Tiểu đoàn 1 thuộc Trung đoàn 4 có biệt động dẫn đường đã dùng bộc phá đánh bung các lớp rào kẽm gai, tiến vào sân bay, dùng B40, thủ pháo tiến công các khu vực chứa máy bay, phá hủy 120 máy bay các loại. Máy bay Mỹ từ sân bay Tân Sơn Nhất đã lên phản kích ác liệt, xe tăng địch từ Hóc

Bà Thức tấn công vào sườn của Tiểu đoàn 1, bịt kín lối ra sân bay. Đại đội 1 đã kiên cường bám trụ đánh trả máy bay, xe tăng, bộ binh của địch. Đại đội 1 Tiểu đoàn 1 đã hy sinh anh dũng trong sân bay (chỉ còn 1 đồng chí trở về).

Đặc công Sư 5 và Biệt động thị xã đã tiến công phía tây Sở chỉ huy Quân đoàn 3. Lực lượng đã bám trụ đánh địch phản kích ác liệt, kiên quyết giữ bàn đạp để hỗ trợ Tiểu đoàn 1 ở sân bay. Lực lượng tuy có bị thương vong, nhưng đã chiến đấu kiên cường. Tiểu đoàn 2 thuộc Trung đoàn 5 Sư 5 và đặc công sư đoàn tiến công vào Bộ Tư lệnh Dã chiến II của Mỹ ở Long Bình. Đại đội 6 tiến công vào sân bay phá hủy nhiều máy bay trực thăng. Máy bay địch từ sân bay Tân Sơn Nhất lên bắn rocket ngay vào đội hình và triển khai xe tăng bao vây tiểu đoàn. Tiểu đoàn 2 bị thương vong. Ở khu ngoại vi kho Long Bình, Đại đội C92 pháo mặt đất chống trả quyết liệt với Lữ đoàn 199 Mỹ, anh dũng chiến đấu đẩy lùi 5 đợt phản kích của địch. Tiểu đoàn 2 đặc công U1 do đồng chí Nguyễn Văn Thái chỉ huy đột nhập khu kho đồi 53, đặt trái đã phá hủy 127 kho chứa bom đạn của Mỹ. Tại các vùng ngoại và nội ô như: Hiệp Hòa, ấp Bình Đa, Lân Thành, Tân Thành... cơ sở tại chỗ nổi dậy treo cờ, rải truyền đơn kêu gọi nhân dân, diệt ác ôn. Sáng mùng 3 Tết (2-2-1968), Bộ chỉ huy Mặt trận cho các lực lượng rút khỏi thị xã để củng cố đội hình tiếp tục đánh địch phản kích và chuyển hướng đánh địch ở khu vực Định Quán (đường 20).

Cuộc tiến công và nổi dậy của quân dân ta ở Biên Hòa đã cùng với toàn miền Nam giáng một đòn nặng nề vào kẻ thù, đè bẹp ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh.



*Trung tướng Nguyễn Văn Thái (bên trái) và Trung tướng Lê Nam Phong. Ảnh tư liệu*

## **6. Chiến dịch Xuân Lộc đập tan “cánh cửa thép” của Mỹ ngụy.**

Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, Xuân Lộc - Long Khánh luôn luôn là một trong những trọng điểm "bình định" của Mỹ ngụy ở miền Đông Nam bộ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Đảng bộ địa phương, quân

dân Xuân Lộc - Long Khánh đã lập nên những chiến công xuất sắc, đặc biệt trong trận quyết chiến chiến lược mùa xuân 1975, đập tan cánh cửa thép của Mỹ ngụy ở phía đông bắc Sài Gòn, góp phần to lớn trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Cuối tháng 3-1975, trước sức mạnh tiến công và nổi dậy của quân và dân ta trên khắp chiến trường miền Nam, Quân đoàn I và II của ngụy bị đập tan, các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên được giải phóng, chế độ tay sai ở Sài Gòn đang đứng trước nguy cơ sụp đổ. Để cứu vãn tình hình, ngày 28-3-1975, trung tướng Mỹ Uây-en, đại sứ Mỹ Mác-tin cùng phái đoàn quân sự cao cấp của Nhà Trắng đến Sài Gòn bàn định việc cứu nguy cho chế độ ngụy ở Sài Gòn. Uây-en quyết định xây dựng một tuyến phòng thủ mới chốt tại thị xã Phan Rang, nối liền với Xuân Lộc làm căn cứ trung tâm, Tây Ninh là chốt phía tây bắc. "Tuyến phòng thủ thép Xuân Lộc" được xây dựng. Nhận thức rõ tính chất quan trọng và vị trí chiến lược của thị xã Long Khánh, Hội nghị của Khu ủy miền Đông (từ 31-1-1975 đến 8-2-1975) đã xác định: "Thị xã Long Khánh là một trong những nơi ta dứt điểm cuối cùng, nơi Đảng bộ miền Đông hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân của mình"

Cuối tháng 3-1975, bằng lực lượng tại chỗ, thị xã Long Khánh đã giải phóng 4 ấp phía bắc thị xã: Bảo Vinh A, Bảo Vinh B, Suối Chôn, Bình Lộc. Trong lúc đó, bộ đội tỉnh, huyện tiến công giải phóng Suối Cát, ngã ba Ông Đồn đến Trà Tân 2 (lộ 3), đồn điền cao su Ông Quế, bức rút đồn Nam Hà, Mai Thọ Bích, tua Mã Trảng, bộ đội khu giải phóng Định Quán, làm chủ lộ 20. Như vậy, trước chiến dịch Xuân Lộc, các lực lượng vũ trang Long Khánh đã giải phóng các vùng ven thị xã, tạo bàn đạp đứng chân cho chủ lực Quân đoàn.



*Tiếp quản Tiểu khu Long Khánh. Ảnh tư liệu.*

Từ ngày 4-4-1975, đội biệt động và trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh đã bí mật dẫn đường cho trinh sát Sư đoàn 1, Sư đoàn 7 (Quân đoàn 4) vượt qua các hàng rào, tua, chốt gác của địch vào thị xã điều nghiên, nắm tình hình và lên phương án tác chiến.

Sáng ngày 9-4-1975, chiến dịch Xuân Lộc bắt đầu, các cánh quân của ta nổ súng tiến công trên hai hướng đông bắc và tây bắc. Sau một giờ chiến đấu, quân ta đã chiếm được căn cứ biệt động quân, trụ sở tình báo CIA Mỹ ở nội ô thị xã. Trên hướng tây thị xã, Sư đoàn 6 vẫn làm chủ lộ 1 từ đèo Mẹ Bồng Con đến ấp Phan Bội Châu. Hướng bắc thị xã, Tiểu đoàn 445 bộ đội địa phương tỉnh và K8 - bộ đội huyện đánh tan Liên đoàn 936 tại Bình Phú, Suối Cát, bắt sống 117 tên. Từ ngày 11 đến 13-4, các lực lượng du kích và bộ đội địa phương bao vây căn cứ Núi Thi, giải phóng các xã và các đồn điền cao su.: Hàng Gòn, Cẩm Mỹ, Suối Râm... mở rộng bàn đạp đứng chân cho các đơn vị bộ đội chủ lực.

Ngày 12-4, địch cho máy bay oanh kích dữ dội xuống các vị trí trong nội ô thị xã Long Khánh và khu vực phía bắc chi khu Tân Phong. Lữ đoàn dù ngụy số 1 được máy bay đổ xuống ngã ba Tân Phong phối hợp cùng Sư đoàn 18 bên trong đánh ra để giải tỏa áp lực của quân ta. Để tránh thiệt hại cho dân, Bộ chỉ huy chiến dịch chỉ đạo tập trung hóa lực mạnh, sử dụng pháo binh cấp tập diệt các cứ điểm quân sự bên trong thị xã, kéo địch ra ngoài thị xã từ cổng ngã ba Dầu Giây lên giáp với Lâm Đồng. Ngày 15-4, Sư đoàn 6 diệt gọn Chiến đoàn 52 thuộc Sư 18 ngụy ở ngã ba Dầu Giây, giải phóng hoàn toàn lộ 20, làm chủ phía tây thị xã. Địch đưa bộ chỉ huy nhẹ Quân đoàn 3 lên Trảng Bom để chỉ huy cuộc hành quân giải tỏa, nhưng các mũi ứng cứu của địch trên quốc lộ 1 đều bị đập tan. Từ ngày 16 đến 19/4, quân ta bắn hàng ngàn quả đạn pháo vào các mục tiêu quân sự của địch trong thị xã. Đảng viên, cơ sở cốt cán và quần chúng đã vận động làm tan rã hàng trăm binh lính địch.

Bọn đầu sỏ chỉ huy lập kế hoạch rút chạy. 22 giờ ngày 20-4-1975, hơn 220 xe quân sự của địch chen nhau rút chạy về hướng lộ 2. Quân ta tổ chức chốt chặn và truy kích, bắt sống tên đại tá Tỉnh trưởng Phạm Văn Phúc và đám tùy tùng. Rạng sáng ngày 21-4-1975, tuyến phòng thủ cuối cùng của địch tại thị xã Long Khánh ở phía đông bắc Sài Gòn hoàn toàn bị phá vỡ. Chiến dịch Xuân Lộc toàn thắng. Thị xã Long Khánh hoàn toàn được giải phóng.





*Xe tăng, bộ binh Quân đoàn 4 tiến công giải phóng Xuân Lộc tháng 4/1975. (Ảnh tư liệu)*

### ***7. Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam và tỉnh Đồng Nai.***

Ngày 10-3-1975, trận đánh chiếm Buôn Ma Thuột mở đầu cho chiến dịch mùa xuân 1975. Trong tháng 3-1975, Tây Nguyên được hoàn toàn giải phóng. Kế tiếp sau đó là chiến dịch Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, ta giải phóng hoàn toàn Quân khu 1 và 2 của ngụy, giải phóng một vùng rộng lớn ở miền Trung và duyên hải miền Trung. Địch phải thực hiện chiến thuật "tùy nghi di tản", rút bỏ hàng loạt vị trí để xây dựng tuyến phòng thủ phía đông cố giữ cho được Sài Gòn, miền Đông và miền Tây Nam bộ. Trước thời cơ cách mạng, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã chỉ thị cho các lực lượng tiến công giải phóng miền Nam trong năm 1975. Chiến dịch Hồ Chí Minh đã triển khai trên hướng Biên Hòa với quân đoàn 2 và quân đoàn 4.

Quân đoàn 2 từ lộ 2 Xuân Lộc tiến về Long Thành, Nhơn Trạch để về Sài Gòn. Quân đoàn 2 đã đánh dứt điểm các cứ điểm mạnh của địch ở Suối Râm, Nước Trong, một phần kho Long Bình, chi khu Long Thành, Nhơn Trạch, giải phóng hoàn toàn hai huyện này vào ngày 7-4-1975. Quân đoàn 4 từ Sở cao su Bình Lộc bắt đầu đánh địch vào ngày 25-4-1975, triển khai lực lượng đánh dứt điểm địch tại ngã ba Dầu Giây, Sông Thao, chi khu Trảng Bom... Quân đoàn đánh địch, giải phóng đến đâu, chính quyền địa phương tiếp quản đến đó. Quân đoàn đánh chiếm Quân đoàn III ngụy, sân bay Biên Hòa, Tổng kho Long Bình. Sư đoàn 6 ở lại cùng địa phương tiếp quản giữ sân bay Biên Hòa, kho Long Bình, Quân đoàn III vào 10 giờ sáng ngày 30-4-1975. Bộ phận Quân đoàn 4 gồm xe tăng, pháo binh, bộ binh tiến về Sài Gòn tiếp quản dinh Độc Lập và các cơ quan đầu não của ngụy quyền.

Kết hợp với lực lượng bên ngoài, lực lượng quần chúng bên trong nổi dậy cướp chính quyền tại chỗ. Thành ủy Biên Hòa đã chủ động triển khai công tác chuẩn bị từ ngày 9-4-1975, đến 15-4-1975 thì hoàn tất trong nội thành Biên Hòa.



*Người chỉ huy đánh chiếm quận lỵ Long Thành-Cựu chiến binh Nguyễn Đức Việt (ngoài cùng, bên phải) cùng đồng đội họp mặt tại Long Thành.*

### ***b) Cảm nhận của bản thân về truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân Biên Hòa- Đồng Nai.***

Chiến tranh đã qua đi, giờ đây, vùng đất Biên Hòa- Đồng Nai đang dần khẳng định vị thế tiềm năng là một tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (kết nối với ba vùng Đông Nam bộ, Nam Trung bộ và Tây Nguyên, cách Thành phố Hồ Chí Minh 30km) với nhiều lợi thế để phát triển kinh tế – xã hội. Nhưng, những kí ức hào hùng về chiến tranh vẫn không thể phai mờ- Nó còn đó, âm vang qua các giờ học Lịch sử; những khúc tráng ca hào hùng; những chiến tích lịch sử; những vết chân chim trên mặt các mẹ Việt Nam anh hùng; những anh thương binh thẫm lạng với vết chân tròn trên cát hay những cuộc tìm kiếm hài cốt của đồng đội sau chiến tranh... Vâng, tất cả đều là những minh chứng rõ ràng nhất cho tinh thần yêu nước quật cường. Nhân dân Đồng Nai đã góp phần cùng cả nước liên tục đấu tranh, vượt bao gian khổ hi sinh, đánh bại âm mưu xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, làm phá sản hàng loạt chiến lược chiếm tranh của chúng; tiến tới giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Yêu nước- Đó là một truyền thống quý báu của của con người Việt Nam ta nói chung và nhân dân Biên Hòa- Đồng Nai nói riêng. Tôi chợt nghĩ đến câu nói của Bác: *“Dân ta có lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của dân tộc ta. Từ xưa đến nay, mọi khi tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm*

*khó khăn nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước*”. Điều đó, rất đúng khi nói về truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân Biên Hòa- Đồng Nai.

Tinh thần chống ngoại xâm luôn sục sôi ngay từ khi thực dân Pháp đưa quân chiếm Cần Giờ và tiến đánh Gia Định (ngày 17/ 2/1859). Nhân dân Nam kỳ cùng sát cánh với các sĩ phu yêu nước kháng chiến chống Pháp một cách quyết liệt, bất chấp cả hi sinh, gian khổ. Họ chiến đấu với ý chí ngoan cường bằng mọi hình thức và mọi thứ vũ khí thậm chí ngay cả khi họ là những con đen “ không một tấc sắt” trong tay như: sẵn sàng cùng Nguyễn Tri Phương bảo vệ thành Gia Định (1859), Phối hợp cùng lãnh binh Nguyễn Đức Ứng chiến đấu chống giặc ở Long Thành...mặc dù bị thực dân Pháp ra sức đàn áp các cuộc nổi dậy nhưng tinh thần chiến đấu của các tầng lớp nhân dân vẫn không suy giảm. Sau khi triều đình Huế kí với Pháp Hiệp ước Nhâm Tuất (1862), nhượng cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam kì, ra lệnh bãi binh đã làm dấy lên làn sóng căm phẫn, kiên quyết chống Pháp, ủng hộ nghĩa quân Trương Định trong toàn dân. Nhân dân các tỉnh miền Đông cùng phối hợp với các địa phương khác tập hợp dưới cờ của Bình Tây Đại Nguyên Soái tiếp tục chống Pháp; đánh đồn Rạch Tra, Đồng Môn, Long Thành, đốt tàu giặc trên sông Đồng Nai, lập căn cứ ở Lý Nhơn (Cần Giờ), Bến Bạ (Nhơn Trạch). Nghĩa binh vùng Nhơn Trạch, Long Thành, Biên Hòa theo Trương Định rất đông. Như cha con Quản cơ Nguyễn Ngọc Hớn ở Phú Thạnh chẳng hạn. Nguyễn Ngọc Hớn kiên cường chống Pháp, bị bắt, mất năm 1863, con trai là Nguyễn Ngọc Sang tiếp tục lãnh đạo nghĩa binh tham gia đốt tàu giặc ở Nhật Tảo, Cồn Cò, lập căn cứ ở Bến Bạ, gây cho giặc nhiều tổn thất. Sau khi cuộc khởi nghĩa Trương Định, Trương Quyền bị đàn áp đẫm máu nhưng phong trào kháng chiến chống Pháp không tắt. Long Thành, Nhơn Trạch, Biên Hòa, Tân Uyên tổ chức nhiều hội kín chống Pháp. Hội kín Long Thành bị đàn áp, nhà sư Trần Văn Tấn lãnh án tử hình, nhiều người khác bị khổ sai, chung thân. Đến năm 1905, trong khi các phong trào kháng chiến vũ trang đã bị chìm trong máu, nhiều sĩ phu yêu nước hướng theo con đường Đông Du, Duy Tân, thì ở Biên Hòa lão nghĩa sĩ Đoàn Văn Cự vẫn còn tổ chức vũ trang chống Pháp, anh dũng hy sinh cùng 16 nghĩa binh, việc không thành, nhưng tinh thần bất tử, mộ và đền thờ còn ở Biên Hòa. Năm 1916, hội kín trại Lâm Trung ở Biên Hòa tổ chức phá khám, cướp súng, giết giặc. Phong trào bị khủng bố, 9 người bị xử bắn tại ngã ba Dốc Sỏi, dân lập miếu thờ, gọi là miếu Cô hồn, di tích hiện ở phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa.

Với truyền thống miền Đông gian lao mà anh dũng Thực hiện đường lối chính trị, đường lối quân sự của Đảng, được sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Trung ương Cục, Quân ủy Miền và của Khu ủy; được sự chi viện của Trung ương, sự giúp đỡ và phối hợp chiến đấu của các tỉnh bạn, Đảng bộ và quân dân Đồng Nai đã

phát huy cao độ lòng yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng vừa chiến đấu, vừa xây dựng, phát triển lực lượng, liên tục tiến công địch, góp phần đánh bại hai tên đế quốc sừng sỏ là Pháp và Mỹ.

Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, chính quyền nhân dân non trẻ phải đương đầu với cuộc tái chiếm của thực dân Pháp, sau đó rút về chiến khu tổ chức kháng chiến. Đời sống kinh tế - xã hội Đồng Nai thời này tạm chia làm hai: Vùng kháng chiến và vùng bị tạm chiếm. Đảng bộ và quân dân Đồng Nai cùng cả nước bước vào cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược lần thứ hai. Với tinh thần “thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”. Nhân dân Đồng Nai tiếp tục phát huy tinh thần yêu nước với phong trào “kháng chiến đi đôi với kiến quốc”. Từ hai bàn tay không, Đảng bộ, lực lượng vũ trang và nhân dân Đồng Nai càng chiến đấu càng trưởng thành, vượt qua gian khổ hy sinh. Đồng bào các giới ở vùng tạm chiếm lắng lòng theo kháng chiến, nảy sinh phong trào đóng góp, ủng hộ cách mạng; nhiều tầng ni, tín đồ gửi cả các đồ tự khí để chế tạo vũ khí đánh giặc. Những trận thắng lịch sử: La Ngà, Trảng Bom, Bàu Cá... góp phần xây dựng và bảo vệ Chiến khu Đ oai hùng, sản sinh ra chiến thuật đặc công, làm rạn vỡ thêm trang sử đấu tranh hào hùng của miền Nam thành đồng Tổ quốc. Nhìn chung, thời 9 năm (1945 - 1954) sản xuất không phát triển, nhân dân lao động thắt lưng buộc bụng để ủng hộ, nuôi dưỡng tham gia kháng chiến chống Pháp. Điểm sáng nhất của thời kỳ này là: Lòng dân thấm đượm chủ nghĩa anh hùng cách mạng đã dốc sức chiến đấu và sản xuất tự lực, tự cung, tự cấp, để chiến thắng được “ thù trong giặc ngoài”, giặc đói, giặc dốt và những khó khăn về kinh tế, tài chính, quân sự, chính trị, đối ngoại...

Trong kháng chiến chống Mỹ, kẻ thù quyết tâm biến Đồng Nai thành hậu phương an toàn của chúng. Quân viễn chinh Mỹ, quân chư hầu, nguy quân, nguy quyền đã sử dụng nhiều âm mưu, thủ đoạn thâm độc và phương tiện chiến tranh hiện đại đánh phá ác liệt phong trào cách mạng hồng tiêu diệt và đánh bặc lực lượng kháng chiến ra khỏi địa bàn Đồng Nai. Các cấp ủy Đảng địa phương, cán bộ đảng viên, các lực lượng vũ trang tại chỗ được sự hỗ trợ của các đơn vị chủ lực Quân khu và Miền, đã dựa hẳn vào nhân dân, cùng nhân dân kiên cường bám trụ, liên tục tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công, đánh sâu, đánh hiểm vào cơ quan đầu não, hậu cứ, kho tàng của địch, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của chúng, giữ vững địa bàn, căn cứ, mở hành lang chiến lược tạo bàn đạp tiến công Sài Gòn.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, quân dân Đồng Nai đã phối hợp nhịp nhàng với quân dân Sài Gòn – Gia Định, với cả miền Nam, cả nước hoàn thành nhiệm vụ giải phóng tỉnh nhà, góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất



Tổ quốc. Thắng lợi này đã đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại của nhân dân Biên Hòa-Đồng Nai. Lần đầu tiên trong lịch sử cận hiện đại đất nước ta không còn bóng quân xâm lược; mở ra một thời kỳ mới cho dân tộc và nhân dân Biên Hòa Đồng Nai: Thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.



*Nhân dân vui mừng sau khi Biên Hòa hoàn toàn giải phóng năm 1975  
(Ảnh tư liệu)*

Từng có một câu nói rất quen thuộc từ cửa miệng của người dân: "Việt Nam ra ngô gặp anh hùng". Niềm tự hào ấy gắn liền với lịch sử chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc. Với tôi, câu nói đó thật đúng tại chính nơi tôi ở. Bởi, đâu đó, trong kí ức của những trang lịch sử đều có thấp thoáng bóng dáng của những con người Việt Nam thuộc đủ mọi tầng lớp, giai cấp, mọi lứa tuổi, không phân biệt tôn giáo, Đảng phái, chính trị tham gia vào công cuộc đấu tranh xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tôi rất tự hào, biết ơn và vô cùng trân trọng về sự cống hiến, hy sinh to lớn của các thế hệ cha anh đi trước. Qua đó, với vai trò của mình là một giáo viên dạy Lịch sử, tôi nhận thấy mình càng phải có trách nhiệm hơn trong công tác giáo dục truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh cách mạng cho các em học sinh của mình: giúp các em ý thức hơn trong việc tìm hiểu và yêu lịch sử cội nguồn của dân tộc, đặc biệt là truyền thống đấu tranh lịch sử của địa phương; phát huy lòng tự hào dân tộc; ý thức hơn về trách nhiệm của thế hệ trẻ trong việc tiếp nối truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước bằng những hành động và việc làm thiết thực... Đó là mục tiêu mà tôi sẽ hướng tới trong nghiệp vụ của mình.

**Câu 2: Hãy cho biết và nêu cảm nhận về những tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa- Đồng Nai; từ đó giới thiệu một hoạt động tập quán, tín ngưỡng dân gian gắn với cộng đồng xã hội mà anh ( chị) từng biết hoặc**

**tham gia? Để phát huy và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc trong giai đoạn hiện nay, anh ( chị) sẽ làm gì?**

**a) Cho biết và nêu cảm nhận về những tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa- Đồng Nai**

Với tỷ lệ đa số (trên 90% dân số) trong tỉnh, người Việt ở Đồng Nai đóng vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế xã hội ở địa phương. Qua tìm hiểu tập quán, tín ngưỡng dân gian của cư dân Việt trên địa bàn Đồng Nai, tôi nhận thấy được sự phong phú, đa dạng, gắn bó thiết thực với đời sống tinh thần của người địa phương, thể hiện trong sinh hoạt gắn với vòng đời người (việc sinh, dưỡng, tang, cưới, mừng thọ...) với sinh hoạt cộng đồng ( thờ cúng trong nhà, cúng đình, cúng miếu, lễ chùa...).

**a.1. Lễ thức và tập quán trong một vòng đời người:** Vòng đời người được tính từ khi "đậu thai" trong bụng mẹ cho đến khi "mãn tang".

**a.1.1: Việc sinh dưỡng:**

Bắt đầu là chuyện "dưỡng thai". Khi có biểu hiện "đậu thai", người phụ nữ có mang phải kiêng giữ và được bảo vệ kỹ lưỡng, tập trung ở các mặt: ăn uống kiêng cử ( không ăn cua để tránh đẻ ngang, không ăn tôm để tránh đẻ con lưng còng, ăn cá không được trở xương để bào thai khỏi động; không ăn sò, ốc, hến để con không dãi nhớt, không ăn trái cây sinh đôi để tránh đẻ song thai...), cử động (không được chửi mắng hoặc cười nói lớn tiếng, không được đến những nơi thờ cúng, không được bước qua mương hoặc nhảy qua hào, không được chui qua sào (dây) phơi quần áo ...) và giao tiếp (phải kiêng gặp người nóng nảy, nặng vía, tính khí lì lợm hoặc đã có nhiều lần sinh nở không thành).

Sau đó là việc sinh nở còn quan trọng hơn. Giai đoạn "dưỡng thai" gắn với mẹ ruột, mẹ chồng, việc sinh nở gắn với vai trò của các "mụ vườn". Mỗi làng thường có một bà mụ lo việc sinh đẻ cho cộng đồng; mụ thường được học tập kinh nghiệm ở các mụ tiền bối và tự tích lũy thêm kinh nghiệm, biết đỡ đẻ, làm thuốc và cúng bái.

Sinh con đầu lòng thường ở nhà mẹ ruột, lần sinh thứ hai mới ở nhà chồng "con so nhà mẹ, con rạ nhà chồng". Khoảng một tháng trước khi sinh, bà mụ tiến hành lễ đầu tiên, gọi là lễ đơm lể, bà mụ khấn "Mười hai Mụ Bà mười ba Đức Thầy" phù hộ độ trì cho mẹ tròn con vuông. Những bà mụ dày dặn kinh nghiệm thường khấn có vắn, có điệu.

Về mười hai Mụ Bà, mười ba Đức Thầy, theo truyền dân gian phổ biến cả nước, mười hai Bà Mụ được Trời giao nhiệm vụ chọn đất tinh túy nặn thành con người nên mười hai Bà Mụ ứng với con số 12 tháng trong năm trở thành người mẹ sanh trong niềm tin của cư dân Việt.

Khi sản phụ lâm bồn, chỉ bà mẹ và người trợ giúp (thường là mẹ ruột hoặc chị em ruột) ở lại với sản phụ. Người địa phương giải thích rằng, theo cách của người Hoa, sản phụ sinh con vào một cái chậu (bồn) bằng sành hay gỗ nên gọi là lâm bồn. Cách gọi khác là vượt cạn. "Rún" được cắt bằng miếng sành hay miếng tre nửa sắc cạnh. Nhau đưa trẻ được cẩn thận cho vào hũ sành hoặc nồi đất đáy nắp kỹ, kín đáo chôn kỹ trong vườn nhà. Công việc thăm kín này có ý nghĩa gắn con người với mảnh đất quê hương "chôn nhau cắt rún" của mình.

Khoảng ba ngày sau khi sanh, bà mẹ lại tiến hành lễ móc miếng với mục đích "gọi ra" làm sạch nước ối còn trong miệng đứa trẻ. Lại bày hương hoa và khấn gọi Mẹ Bà, Đức Thầy như ở lễ đơm lễ, nhưng lần này cúng trong chỗ "nằm lửa" của sản phụ.

Ở cũ là thời gian nằm lửa của phụ nữ trong buồng kín, thường kéo dài suốt một tháng (có thể dài hơn). Theo Trịnh Hoài Đức, tục xưa "sản phụ nằm trên giường, bên dưới để củi than đỏ ngày đêm không dứt, lại lấy nồi lửa để chặn hơi trên bụng mỗi ngày 1, 2 lần, ăn những vật cay mặn khô táo, uống nước thì tùy theo hương tục, gia tục hoặc quen dùng thuốc Nam lấy rễ cây vằm nhỏ nấu nước uống thường. Khi đầy tháng ra ngoài thì dùng củ nghệ thoa đầy mình để ngăn gió...". Dấu hiệu của nhà có người ở cũ là đoạn củi đã tắt lửa trước cửa nhà, gọi là vỏ lửa. Vỏ lửa đầu đã cháy quay vào là sanh con trai, quay ra là sanh con gái.

Ngày đầy tháng được xem là ngày đầy cũ, không tính cũ theo vía "Nam bảy nữ chín" (nam ngày thứ bảy, nữ ngày thứ chín. Trong lễ đầy tháng, ông bà, người thân đến mừng cháu bằng quà tặng, lời chúc tốt đẹp hoặc thơ mừng. Tên khai sinh của đứa bé được chọn chính thức trong dịp này. Việc đặt tên cũng được chọn lọc, kiêng húy thánh thần, ông bà, người lớn tuổi như nhiều nơi khác. Quan trọng nhất của ngày đầy tháng là lễ cúng mẹ nhằm tạ ơn Mẹ Bà đã "nặn ra đứa bé: mẹ tròn con vuông". Lễ cúng mẹ gồm nhang, đèn, hoa, trái cây, chè xôi, bộ đồ mã (gồm: áo, quần, khăn, hài bằng giấy; bánh gói, miếng trầu têm sẵn), mỗi vật cúng đều tròn con số 12 ứng với 12 bà mẹ. Lại có thêm 3 chén chè, 3 đĩa xôi hoặc bộ ba các món khác dành cho 3 Đức Thầy.

Lễ thôi nôi là ngày đứa bé tròn năm (lễ tôi bàn, lễ tôi tôi), đơn giản hơn lễ đầy tháng, cũng khấn vái ông bà, cúng mẹ bằng chè xôi. Nhà khá giả có thể có tiệc mừng: Mừng con trai hoặc mừng con đầu lòng. Khác với lễ đầy tháng, lễ thôi nôi có trò thử nghề, nói theo người Hoa là thí nghệ; tức bày ra các vật dụng: Gương, lược, kim, chỉ, đũa, muống... (nếu là con gái); bút, giấy, đàn, cờ... (nếu là con trai) cho trẻ tự chọn. Người ta tin rằng, món nào đứa bé chạm đến đầu tiên sẽ ứng với nghề nghiệp thích hợp sau này.

Sau ngày đầy tháng và tròn năm, việc nuôi dưỡng đứa bé nhẹ nhàng hơn nhưng vẫn phải thường trực những việc kiêng kỵ và cầu cúng theo thông lệ. Ngày xưa, nhiều gia đình giữ lệ cúng mụ 3 tháng một lần cho đến khi đứa bé tròn một con giáp (12 tuổi). Trẻ từ đầy tháng đến 12 tuổi vẫn còn trong vòng bảo trợ của Mụ Bà, Đức Thầy. Ra khỏi nhà phải quét lọ trên trán trẻ để Thổ Công khỏi nhâm, không được gọi tên thật của trẻ và kiêng đặt tên đẹp vì sợ ma quỷ biết mà chọc phá; trưa đúng Ngọ không được ra nắng, không giỡn nắng; nếu trẻ khóc đêm (gọi là dạ đề) phải lấy một chiếc cốc chuồng heo hoặc chuồng gà để dưới gầm giường, cho trẻ đeo vòng bằng cây dâu tằm để ngừa ma quỷ, có khi còn thỉnh bùa ở các thầy phù thủy hoặc các đình ông đeo cho trẻ (gọi là đeo niệc) để tránh ma tà. Những gia đình sùng tín còn đi gieo quẻ, xin lá số tử vi cho trẻ và hàng năm cúng sao vào ngày ứng với sao hộ mạng của đứa bé theo số tử vi bằng một lễ cúng đơn giản gồm nhang, đèn, vàng mã là chủ yếu.

Gặp trẻ ốm yếu khó nuôi, người xưa có tục "gởi nuôi" hoặc "đem bỏ" bằng cách hẹn ngầm với người thân vào ngày giờ nhất định, người mẹ ẵm con đến "gởi" hoặc "bỏ" một nơi nào đó, người thân đến "nhận" hoặc "lượm" về nuôi. Trường hợp đứa trẻ gặp biến cố đột ngột như té ngã hay sợ hãi một điều gì đó mà thần sắc thất thường, người ta cho rằng trẻ đã bị "lạc vía" hoặc "cướp vía" bèn có lễ hú vía bằng cách đem nhang, đèn, một đĩa gạo muối, một trứng vịt xẻ làm 3 cúng ở đầu đường hoặc ngã ba đường khấn Thổ Công, cô hồn nhờ gọi vía về. Khi được lưỡi tầm sét của thiên lôi đánh quỷ cắm vào đất (thật ra, đó là những riu đá dễ tìm thấy ở nhiều nơi trên đất Đồng Nai), người ta thường mài vào mảnh ghè bẻ cho trẻ con uống để ma quỷ phải tránh. Nếu cướp được lưỡi ông tiêu ở các lễ cúng chợ, cúng cô hồn, đem lưỡi ấy bọc vải đeo vào cổ cho trẻ hoặc lót trong gối ngủ, đứa trẻ sẽ gặp điều tốt lành.

Đến mười hai tuổi, tức đã vượt qua giai đoạn đầu mùa và các dịch bệnh hiểm nghèo khác, gia chủ mừng vui cúng lễ "tròn con giáp" bằng gà, vịt hay đầu heo khấn vái tạ ơn ông bà, Thổ Công, Thổ Địa, mười hai Mụ Bà và ba Đức Thầy đã phù hộ độ trì cho đứa bé thật sự trở thành người. Từ đây, đứa trẻ mới được xem là "còn", là thành viên chính thức của gia đình.

Do tri thức khoa học phát triển, hiện nay danh mục những điều kiêng giữ và những lễ cầu cúng trong việc sinh dưỡng trẻ ngày càng thu gọn theo hướng lược bỏ những điều lạc hậu, nặng về mê tín đồng thời vận dụng kinh nghiệm dân gian trong kho tàng tri thức y học của nhân dân.

### *a.1.2.Hôn nhân.*

Quan niệm về hôn nhân: không khe khát, chỉ những nhà gia thế mới tính chuyện môn đăng hộ đối, còn lại số đông trong dân đã vốn ít phân biệt giàu -



nghèo, chủ - tớ, sang - hèn, chuyện hôn nhân thường chọn lựa theo tiêu chuẩn "vừa đôi phải lứa", không cùng trục hệ và "được tuổi". Trường hợp chênh lệch tuổi giữa trai gái, người ta dễ dàng chấp nhận sự "lệch chuẩn: "Gái hơn hai, trai hơn một".

Việc tìm hiểu giữa trai gái cũng được tự do, phóng khoáng; ít có chuyện ràng buộc phải tìm hiểu người cùng làng. Làng Việt ở Đồng Nai có cơ cấu mở, thường gồm nhiều họ, đa nguồn gốc, nhiều người làng khác đến phụ canh. Thanh niên nam nữ được dịp giao tiếp rộng cho nên việc tìm hiểu cũng trong mối quan hệ rộng và trong vòng kiểm soát nới lỏng của gia đình. Trai gái tìm hiểu khi thuận lòng nhau, về thưa với ba má để gia đình nhà trai "bước tới".

Tục xưa, người Đồng Nai theo tập tục Trung Hoa, thực hiện đủ sáu lễ: Nạp thái, vấn danh, nạp kiết, nạp tỳ, thỉnh kì, thân nghinh. Theo thời gian, các lễ thức cưới xin phức tạp giảm dần, một đám cưới bình thường của cư dân Việt thường được chú trọng các lễ: Lễ hỏi, lễ biếu (xêu), lễ xuất giá (cô gái khăn cáo ông bà, cha mẹ sáng mai về nhà chồng), lễ rước dâu, lễ lại mặt. Gần đây, lễ thức còn đơn giản hơn, chủ yếu là lễ hỏi và lễ cưới. Có nơi thêm lễ thăm nhà, còn gọi là lễ chạm ngõ trước lễ hỏi. Trước ngày cưới 8 ngày, có nơi còn làm lễ khai bát nhật (lập hôn ước, khai tên tuổi, sức khỏe của trai gái). Lễ này xuất hiện từ khi thực dân Pháp cầm quyền.

Trong lễ hỏi, nhà trai chọn ngày lành tháng tốt, cày mai mới đến nhà gái để đặt vấn đề xin cưới. Mai dong là người cao tuổi (ông mai hoặc bà mai) có uy tín, có duyên ăn nói trong họ, trong làng. Lễ vật ăn hỏi dạng đơn giản nhất gồm: Một đôi đèn, một cặp trà, một cặp rượu, hai quả bánh, một đôi bông tai... Tục xưa, nhất thiết phải có một búp sen to bằng giấy, hai người khiêng. Búp sen treo ở gian chính để chứng tỏ nhà đang có con gái đã đính hôn. Trường hợp hỏi hôn, đảng gái sẽ nêu lý do, trả của (lễ vật) cho đảng trai, nhất thiết là trả cho được búp sen ấy. Việc trả của sau lễ hỏi khi hôn nhân không thành, có nơi giữ tục của Trung bộ, nếu nguyên nhân từ phía đảng trai, lễ vật coi như mất; nếu nguyên nhân từ phía đảng gái, của một phải trả hai, cho nên dân gian có câu: "Trai chê vợ của đổ xuống sông, gái hỏi chồng của một đèn hai".

Sau lễ hỏi, trai gái được xem là vợ chồng chưa cưới. Trường hợp có đại tang, việc cưới xin vẫn có thể được tiếp tục nếu đã được tang chủ cho phép xả tang ngay khi sắp cử hành lễ động quan. Hoặc sớm hơn thì có thể chuyển ngày cưới trước khi có đại tang gọi là cưới chạy tang.

Lễ cưới được họ hàng, làng xóm cùng chăm lo. Trai lo việc dựng công, trang trí bàn ghế, gái lo việc làm bánh, bếp núc. Chăm lo phụ giúp cho lễ cưới là niềm

vui và trách nhiệm của cộng đồng. Đôi vợ chồng mới cưới được chăm lo cảm thấy hãnh diện, ấm cúng và có trách nhiệm với nhau hơn trong cuộc sống.

Đàng trai đến nhà gái được tiếp đón bằng tràng pháo giòn giã và có người đón tận ngõ, khi vào nhà có người "rước dù", "rước quả". Nhà gái đã bố trí sẵn, thành phần chính gồm: ông (bà) mai, cha mẹ, đại diện họ hàng được mời vào nơi bàn chính đối diện với bàn thờ tổ tiên. Đàng trai được ngồi vào vị trí, đầu hiệu là chiếc bình bông trên bàn thờ. Bình bông thường đặt theo hướng "đông bình, tây quả" hay nói cách khác: "Nam tả nữ hữu". Lễ vật bày ra, ông (bà) mai tuyên bố lý do, nêu lễ vật. Nhà gái nhận lễ (có lại quả như ở lễ hỏi). Chủ gia thắp ba cây nhang khấn vái ông bà báo việc hôm nay gả con gái lấy chồng. Cô dâu được mời ra trong trang phục cổ truyền có dâu phụ đi kèm. Lễ lên đèn được thực hiện trang trọng; ông (hoặc bà) mai cầm đôi đèn từ lễ vật của nhà trai đốt cho cháy cùng một lúc, khấn vái rồi mỗi tay cầm một cây đèn cùng chuyên cho đại diện nhà trai, nhà gái. Đèn được trình trọng thay vào chân đèn ở bàn thờ tổ tiên. Hai họ nhìn vào đôi đèn ấy mà đoán định hạnh phúc của cô dâu chú rể. Bởi vậy, việc chọn đèn, lên đèn trong đám cưới được thực hiện rất cẩn trọng. Đến khi đoàn đưa dâu ra khỏi nhà, ông mai luôn là người đi ra sau cùng để tự tay tắt đôi đèn cùng một lúc. Đoàn người đưa dâu gồm đại diện họ hàng, cơ cấu cũng đi lẻ về chẵn. Người mẹ không đưa dâu, thường cài vào áo cưới của con gái một chiếc kim bang hoặc một cái lông nhím hay móc tai, gọi là để trừ tà, nhưng lời dặn thực là để sử dụng trong lúc bắt trắc đêm tân hôn.

Về nhà trai, lễ thức cũng khấn vái ông bà, lễ ra mắt họ hàng đơn giản như ở nhà gái. Xong lễ là nhập tiệc. Ba ngày sau, cô dâu chú rể mang một mâm trầu rượu, một cặp vịt sống về lại nhà gái cảm ơn ba má và làm lễ lạy ông Táo gọi là phán bái hoặc là lễ lại mặt.

### *a.1.3.Tang ma*

Đa phần cư dân Việt chấp nhận "chết" một cách thanh thản, nhiều khi có sự chuẩn bị trước chu đáo. Chỗ "yên nghỉ" chọn sẵn, có khi xây mộ trước gọi là kim tinh; hòm được đóng gỗ tốt dành sẵn gọi là cỗ sự. Nếu không phải là "bất đắc kỳ tử" thì cái chết được mong muốn luôn là cái chết ở quê nhà.

Khi gia đình có người vừa trút hơi thở cuối cùng, việc đầu tiên là phải "hú vía", sau mới tắm rửa cho xác chết gọi là "mộc dục". Người chết được đặt trong buồng hoặc nhà dưới, bỏ vào miệng ba hột gạo (có thể đồng tiền xu) gọi là phạn hàm, rồi đắp mặt, đốt nhang trên đầu nằm. Trường hợp chết bệnh, thường đặt trên bụng một nải chuối sứ gọi là để hút tà khí.

Khi báo tang xong, gia chủ nhờ người coi tuổi, coi ngày giờ để phân xếp việc tang lễ. Giờ tắm liệm được chọn là giờ tốt. Trước khi chưa tắm liệm, chó, mèo

trong nhà được nhốt lại, có người luôn canh. Những gương kiếng, tranh tượng Phật trong nhà phải che (dán) lại bằng vải (giấy) đỏ có dấu vôi trắng, nhiều nơi còn quay mặt tượng Phật về bên phải.

Giờ tẩm liệm, hội đủ mặt những người thân không ky tuổi. Xác được liệm bằng vải trắng dài 3 mét bó theo cách một dọc năm ngang (đại liệm) hoặc ba ngang (tiểu liệm). Hòm được chọn theo hạng nhất, hạng nhì, hạng ba tùy theo chất lượng gỗ. Nắp hòm bằng một nửa thân cây đặc ruột mặt hình bán nguyệt vừa khít với thân hòm bằng ba mảnh ván. Như thế hài hòa với sự vuông tròn của trời đất.

Hòm được đặt giữa nhà (nếu nhà có người cao niên hơn còn sống thì chiếc hòm đặt lệch sang một bên để tỏ ý khiêm nhường), kê quay đầu ra ngoài với ý nghĩa luôn nhớ về nhà, phân biệt với cách của người Hoa: quay đầu vào trong để một đi không trở lại.

Lễ thành phục được xem là lễ chính thức của việc tang. Tang chủ thường thỉnh thầy chùa hành lễ. Trong lễ thành phục, người thân quì trước quan tài nghe thầy cúng đọc kinh và phát khấn tang: Con trưởng nam mặc áo trắng thôi may lộn mí ra ngoài, lưng áo có miếng vải thêm gọi là phụ phiến với ý nghĩa cũng thêm sự đau xót, lưng thắt 2 vòng dây rơm hoặc dây chuối, mũ vành bằng bẹ chuối, đi dép rơm. Những người con khác mặc áo vải trắng rộng có thịch, bịt khăn trắng bỏ mối ra sau ót, con gái thì mũ nhọn bằng vải thô thông xuống che mặt. Con rể và các cháu trai mặc áo trắng đội mũ mấn, những người thân khác quấn khăn trắng. Nếu người mẹ chết trước thì đồ tang mẹ được may vén lại hết thảy. Gậy tang có độ dài đến ngang tim nhằm nâng đỡ trái tim đau, đầu trên để tròn, đầu chạm đất gọt vuông cho ứng với trời tròn, đất vuông. Gậy tang cha bằng tre mang ý nghĩa cương trực, gậy tang mẹ bằng gỗ vòng để khắc sâu ân đức.

Tiếp nữa là lễ phúng điếu của họ hàng, xóm làng. Sui gia phúng viếng với cung cách và lễ vật long trọng: Khăn đóng, áo dài, mâm trầu rượu, trái cây, cặp đèn trắng, ba cây nhang đại, thường có thêm 1 bức trướng. Các tổ chức hội làng cũng cử đại diện đến viếng. Nam lạy kiểu "hung phục", nữ lạy kiểu ngồi bệt; đủ lễ là 4 lạy, giữa hai lạy có xá hai xá và cuối cùng xá ba xá. Người nhà lạy trả hai lạy sau. Khi tiến hành lễ phúng viếng ở nhà, thanh niên trong làng đã chuẩn bị đào huyệt hoặc sửa kim tinh; đại diện tang chủ cúng Thổ Địa bằng một đĩa tam sên: Trúng, cua, thịt luộc với rượu trắng và nhang đèn.

Đến ngày giờ tốt đã định, bắt đầu lễ động quan. Việc động quan do đạo tì đảm nhiệm. Đạo tì gồm những thanh niên, trai tráng trong làng mặc đồng phục thao tác theo lệnh của người chỉ huy. Trong làng Việt xưa cũng như nay, thường có tổ chức lo việc tang của cộng đồng trên nguyên tắc tự nguyện, làm việc nghĩa, tùy theo đáp ơn hảo tâm của tang gia. Khiêng quan tài động quan là cả một nghệ thuật.

Gia chủ thường để trên quan tài một ly rượu đầy đặt trên tờ giấy bạc với dụng ý là khiêng cho thăng bằng sẽ được thưởng. Kinh nghiệm là: lót dưới ly rượu một tờ giấy vàng bạc để thấm rượu tràn ly hoặc nhanh tay nhỏ vào ly rượu một giọt sáp đèn cầy. Gặp những quan tài bằng gỗ trai quá nặng, đặt sát nền gạch thử thách đạo ti; đạo ti khéo léo chêm vào đáy quan tài những đồng bạc trắng, khoảng ba đồng bạc trắng chồng lên là đủ lòn ngón tay nhấc được quan tài. Quan tài vừa chuyển động, người nhà đập tan siêu hoặc niêu đất cho tiếng kêu to để đánh thức và xua ma quỷ.

Đám tang giàu có theo lối xưa, còn có tục đánh động phá hoàng diển tích thầy trò Tam Tạng mở đường đi thỉnh kinh ở chùa cầu siêu hoặc mở đường đưa vong hồn người chết về Tây phương cực lạc. Có gia đình còn tổ chức hát tuồng trước khi hạ huyệt; ở Đồng Nai chỉ hát tuồng lúc hạ huyệt với số người hạn chế từ 5 đến 7 người.

Lễ mở cửa mả được thực hiện trong buổi sáng ngày thứ ba tính từ ngày an táng. Tang gia mặc tang phục, mang lễ vật đến bày cúng nơi mộ, mời thầy cúng hành lễ. Lễ vật gồm: 3 ống tre đựng gạo, nước, muối bịt đầu bằng vải trắng cắm trước mộ, đó là thức ăn, món uống của người chết. Một cái thang bằng tàu chuối (nam 9 nấc, nữ 7 nấc) đặt trước mộ để vong linh người chết leo lên "cõi trời". Một con gà con được cột chân vào ngọn cây mía. Khi hành lễ, thầy cúng cầm mõ đi đầu vừa đi vừa tụng kinh, một người trong nhà cầm cây mía kéo con gà đi theo thầy cúng ba vòng.

Nếu gia đình sùng đạo Phật, sau lễ mở cửa mả là các lễ cúng thất, còn gọi là làm tuần, mỗi thất cách nhau 7 ngày: Lễ cúng tại nhà hoặc tại chùa. Đến thất thứ 7 (chung thất), có thể mở đàn chay theo lễ thức của Phật giáo. Những nhà khá giả còn lập đàn chay ứng phú, một loại nghi lễ của Phật giáo múa hát dâng lễ rất nghệ thuật. Sau lễ chung thất, gia chủ vẫn phải cúng cơm ngày hai bữa cho đến lễ 100 ngày, gọi là lễ tốt khốc; đúng một năm sau cúng giỗ đầu gọi là tiểu tường; lần giỗ thứ hai gọi là đại tường, còn gọi là lễ xả tang, vì trong ngày này, đồ tang được đem đốt, có khi còn đốt với đồ mã. Sau lễ đại tường, coi như là xong việc tang. Từ đó, người nhà cúng giỗ hàng năm.

Tại Đồng Nai xưa, không có tục cải táng. Gần đây, do đất đai khó khăn, nhiều biến động; lại do điều kiện làm ăn xa; nhiều người bốc mộ, hỏa táng, cho di cốt vào hũ sành đập nắp kín gói ở chùa với ý nghĩ rằng: vong linh người chết sẽ nương cửa Phật, được ổn định, được nhang khói ngày đêm.

Trong vòng đời người, còn có những tập quán khác: lễ thọ đối với người cao tuổi, lễ khao đối với người hiển vinh... Những sinh hoạt như trên thường theo thông lệ chung...



## *a.2.Thờ cúng trong nhà.*

### *a.2.1.Thờ Bác:*

Trong tâm thức người Việt ở Đồng Nai, Bác là hiện thân của cái đúng, cái đẹp, cái cao quý. Bác luôn ở phía trước để vươn đến nhưng cũng luôn bên cạnh để chia sẻ, bày tỏ. Bác vừa gieo ân đức cho gia đình (được thờ trong nhà) vừa là cứu tinh của dân tộc (được thờ cúng ở cộng đồng). Bàn thờ Bác trong nhà là hiện tượng phổ biến. Từ khi Bác mất, nhiều gia đình có thêm bàn thờ Bác với ý nghĩa Bác vừa là Cha già, vừa là người đem lại hạnh phúc cho gia đình. Để tránh tai mắt địch, bàn thờ thường đặt ở gian giữa nhà như là thờ tổ tiên, có người dùng tín phiếu làm ảnh thờ( như: má Hàu – Phước An, có nhà viết tên Bác Hồ bằng chữ Hán vào bài vị để kín đáo đầu đó trên bàn thờ, đa phần thay hình ảnh, tên tuổi bằng chữ Phước (Hán tự) ngầm hiểu Bác Hồ bảo trợ cho phúc đức của mọi người). Hiện nay, việc thờ cúng Bác được công khai, ảnh Bác Hồ thường được treo trang trọng phía trên bàn thờ chính trong nhà.



*Bàn thờ Bác Hồ tại nhà ông Nguyễn Hạnh, hiện ngụ tại KP5, phường Thống Nhất, TP.Biên Hòa.*

### *a.2.2. Thờ cúng ông bà.*



*Bàn thờ gia tiên của gia đình Việt.(Ảnh tư liệu)*

Căn nhà dù nhỏ vẫn dành nơi trang trọng nhất (gian chính) thờ ông, bà. Ở Đồng Nai, từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, ít thấy có nhà thờ họ riêng biệt; phổ biến là bàn thờ họ trong nhà từ đường do con trai lớn hoặc con trai út dòng trưởng đảm nhiệm, nếu không con trai thì con gái thực hiện. Những hộ không phải là nhà từ đường cũng thường có bàn thờ ông bà (thờ vọng hoặc thờ tượng trưng) ở bàn thờ giữa gian chính. Bàn thờ cha mẹ bên trái, thờ ông bà nội (ngoại) bên phải. Những người khuất mặt khác như anh, chị, em, con được thờ một góc trong nhà. Người mới chết (dù là cha mẹ, ông bà) được thờ riêng cho đến khi xả tang mới được thỉnh lư hương, di ảnh, vào bàn thờ chung.

Cách bày trí bàn thờ không khác mấy so với phong tục phổ biến, ngày càng có phần đơn giản hơn nhưng không kém vẻ trang nghiêm. Bàn thờ họ thường có hai lớp: Lớp trong là bàn gỗ để bày đồ cúng, lớp ngoài là tủ thờ để bày đồ thờ gồm: Cặp chân đèn tượng trưng cho nhật nguyệt quang minh; bát nhang, khay trầu rượu tượng trưng cho sự vuông tròn của trời đất. Lư hương tròn như là thái cực; "bình bông" ở bên trái và "chò quả tử" ở bên phải, một giá gương ghi họ hoặc một chữ nho biểu niệm như: Phước, Thọ, Khang, Đức... Những nhà khá giả bày đồ thờ bằng đồng theo bộ tam sự (3 món: chân đèn, lư hương, bình bông), ngũ sự (5 món, gồm: tam sự có thêm cặp hạc - rùa và hộp trầu), thất sự (7 món, gồm: ngũ sự có thêm hai món khác). Tủ thờ, vật thờ bằng gỗ, thường được chạm cẩn xà cừ tinh xảo, đồ đồng luôn giữ bóng, đồ gốm sứ càng cổ càng quý giá.

Thờ phụng ông bà không chỉ ở bàn thờ mà còn thể hiện ở việc bài trí hoành phi, liễn đối trong nhà. Nhà khá giả của cư dân Việt xưa thường có hoành phi treo cao ở giữa nhà với các đại tự ý nghĩa thâm thúy.

Cúng giỗ gắn với thờ phụng, việc thờ càng trang nghiêm, việc cúng càng trang trọng. Hai hình thức cúng chủ yếu: Cúng hàng ngày và cúng giỗ. Hàng ngày, con cháu thay nước cúng, đốt nhang, lên đèn, xá trước bàn thờ ông bà. Mỗi khi đi xa về hoặc chuẩn bị làm việc hệ trọng, người Đồng Nai cũng có thói quen đốt nhang khẩn cáo ông bà. Giỗ ở nhà từ đường long trọng hơn ở tại gia. Cũng như phong tục phổ biến, sau ngày chết: 49 ngày cúng thất, 100 ngày cúng tiểu tường, 12 tháng cúng giáp năm, 24 tháng cúng đại tường, 27 tháng cúng xả tang; năm thứ ba trở đi gọi là giỗ thường niên, cúng trước ngày giỗ chính gọi là cúng tiên thường, ngày giỗ chính cúng mặn. Việc thờ, thờ đến 3, 4 đời nhưng cúng giỗ có thể cúng đến đời thứ 5, thứ 7 nếu con cháu còn nhớ ngày chính xác. Ngoài cúng giỗ ông bà cha mẹ, gia đình cư dân Việt ở Đồng Nai còn cúng giỗ những người khuất mặt khác như: anh, chị, chồng (vợ), cô, dì chú, bác, ông bà, cha mẹ vợ... nếu không có người trực hệ phụng thờ. Thậm chí, cúng giỗ cả người hàng xóm đơn độc hoặc

sui gia như gia đình ông Nguyễn Văn Dẻo ở xã Phú Hội (huyện Nhơn Trạch). Ngày giỗ được tính theo âm lịch.

Trong ngày giỗ, nhất là giỗ ông bà nội ngoại; cha mẹ, anh em, con cháu họp mặt, góp công sức chung lo bữa giỗ. Đây là dịp họp gia đình, nhắc nhở người chết và trao đổi việc nhà việc họ. Người trong họ không đến dự được có thể gửi đồ cúng đến cúng gọi là gửi giỗ. Cũng có thể cúng tại gia cùng lúc với giỗ chính ở từ đường gọi là cúng vọng. Đồ cúng tùy theo phong tục của gia đình, thường đủ các món: Kho, xào, nướng, canh, rau, bánh, trái cây, giải khát. Thường chuẩn bị ít nhất là 3 mâm cúng: Một mâm cúng bày ở bàn thờ người được cúng, một mâm bày ở bàn giữa nhà cho các vị phối hưởng, một mâm đất đai âm trạch cho những người khuất mặt hữu danh vô vị, hữu vị vô danh. Một số gia đình còn giữ tục "luôn phải cúng một món gì đó" gắn với sở thích hoặc đặc điểm của ông bà, gọi là cúng lễ. Cách dọn mâm, khăn mời, dự tiệc giỗ đều thể hiện không khí chung vui, hòa hợp, bình đẳng, có tính nhân bản mang phong cách cởi mở, phóng khoáng của Nam bộ.

Thờ cúng ông bà trong gia đình là truyền thống đẹp của cư dân Việt được thể hiện thống nhất trong cả nước. Cư dân Việt ở Đồng Nai lưu truyền, gìn giữ tục thờ cúng ông bà như gia bảo, có khuynh hướng đơn sơ, giản tiện hơn nhưng vẫn giữ được ý nghĩa của nó. Ấy là: Lòng tôn kính, biết ơn, kế thừa công đức tổ tiên; và sự cảm hóa giáo dục con cháu "uống nước nhớ nguồn", "ăn trái nhớ kẻ trồng cây". Tục thờ cúng ông bà đã kết dính các lớp cư dân Việt ở Đồng Nai với nhau: Lớp trước lớp sau, vùng này vùng khác, làng này làng nọ, tôn giáo này tôn giáo kia...; các Phật tử và giáo dân đều coi việc thờ cúng ông bà là phận sự hiển nhiên.

### *a.2.3.Thờ thần độ mạng*

Trong quan niệm của cư dân Việt ở Đồng Nai: Thần độ mạng cho đàn ông phổ biến là Quan Công, đàn bà phổ biến là các mẫu còn gọi là mẹ sanh, mẹ độ.

*Thờ Quang Công:* Quan công là tên gọi dân gian của Quan Vân Trường, một nhân vật lịch sử đời Tam Quốc, còn được gọi là Quan Thánh Đế quân, Quan Vũ, Xích Đế. Có lẽ tục thờ Quan Công đến Đồng Nai theo con đường nhập cư của lớp người Hoa đến sớm, nhanh chóng được Việt hóa, và hiện trở thành phổ biến, khó phân định nguồn gốc Hoa, Việt. Tục thờ Quan Công độ mạng không phải là biểu hiện của sự sùng bái cá nhân mà là "biểu tượng của tinh thần trọng nhân nghĩa, trung tín, hoạn nạn có nhau, bần cùng không biến tâm, giàu sang không đổi chí trong mọi hoàn cảnh.

Vía ông ngày 4 tháng 6 âm lịch, cúng đơn giản bằng nhang, đèn, hoa, trái; có thể cúng mặn hoặc cúng chay, kiêng cúng thịt gà và hoa mồng gà; kiêng ăn thịt trâu, thịt chó.



*Bàn thờ Quan công*

**Thờ Bà (thờ mẫu):** Trang thờ Bà thường bằng gỗ như một khám nhỏ treo cao ở bên phải gian chính, có khi Bà được thờ chung cùng Quan Công và Thích Ca hoặc Táo quân trong khám ở sau bàn thờ giữa; được bày trí giản đơn gồm: 1 bức tranh tượng, bình bông, nhang, đèn, nước trong. Cúng Bà cũng rất đơn giản: nhang, đèn, nước trong, bánh, trái cây. Bà độ mạng được gọi nôm na là mẹ sanh mẹ độ. Các Bà độ mạng được thờ trong gia đình gồm một trong số: Mẹ Thai Sanh, Chúa Ngọc nương nương, Chúa Tiên nương nương; Chúa Xứ nương nương, Linh Sơn Thánh mẫu; Thiên Hậu, Cửu Thiên Huyền Nữ, Địa mẫu, Quan Âm Bồ tát... Do các mẹ sanh mẹ độ đa dạng cho nên ngày cúng, ngày vía cũng không thống nhất, tùy theo từng gia đình, thông thường là các ngày rằm hoặc ngày cuối tháng âm lịch hoặc ngày vía. Tranh tượng thờ Bà cũng vậy. Trước đây, thường thờ bằng tờ hồng đơn ghi tên Bà, hiện nay đang phổ biến tranh thờ Bà trong khuôn gỗ lồng kiếng. Tục thờ Bà độ mạng phản ánh tín ngưỡng thờ nữ thần của Nam bộ; trong đó đan xen, tích hợp nhiều lớp văn hóa, có sự dung hợp các nữ thần gốc Hoa, gốc Chăm, Việt trong niềm tin rộng mở của người địa phương.





*Bàn thờ Quán Thế Âm*



*Bàn thờ Mẹ sanh Mẹ độ.*

#### *a.2.4.Thờ cúng các bản gia*

**Ông Địa - Thổ Công:** Thổ Công thường được thờ ở khám thờ dưới đất phía bên trái bàn thờ chính. Vật thờ gồm nhang, đèn, nước, và cốt tượng với nét mặt vui tính, bụng phệ, vú to thể hiện sự sung mãn, tính nữ. Đó là biểu tượng của sự thịnh vượng và sinh sản. Ngày vía của ông Địa chưa được giải thích đầy đủ, cư dân Việt ở Đồng Nai giữ lệ cúng ông Địa vào ngày mùng mười của 5 tháng đầu năm từ tháng giêng đến tháng năm âm lịch.

**Thần Tài:** Thường được thờ chung một khám thờ với ông Địa hình thành một bộ ông Địa - Thần Tài. Ông Địa bảo hộ về đất đai, Thần Tài bảo hộ việc sinh lợi.



*Bàn thờ ông Địa- Thần Tài*

**Táo quân:** Là vị thần bảo trợ việc bếp núc, (Ông Đầu Rau hoặc Vua Bếp). Có chuyện kể về Vua Bếp giải thích hiện tượng hai ông một bà; ba người vẫn là một, được thờ ở kệ thờ trong bếp hoặc ở gian chính thờ ở bếp gọi là Táo Bếp, thuần gốc dân dã. Táo thờ ở gian chính gọi là Táo Phật. Người xưa quan niệm chỉ có Táo Phật mới về trời trong ngày 23 tháng chạp. Canh ba, giờ Tý ngày 23 tháng chạp, ông Táo được đưa về trời. Lễ cúng tiễn Táo quân có nhang đèn, xôi, chè, trái cây và không thể thiếu đĩa mứt thèo lèo; lời khấn tiễn giản ngụ ý mong Táo quân về Trời báo cáo việc nhà trong năm qua và xin Trời gia ân cho năm mới làm ăn khấm khá, gia đình thịnh vượng. 23 tháng chạp tiễn đi, 30 đón về cùng với ông bà dự Tết. Táo Phật được tiễn đi nhưng Táo Bếp vẫn gắn với "lửa củi" hàng ngày. Cư dân Việt ở Đồng Nai có tục, sau khi đưa ông Táo về trời, trong ngày 23 tháng chạp, lật ông đầu rau giữa đục lỗ rồi gán cả ba đem đồ ở góc cây to trong vườn, thay vào đó là 3 ông đầu rau khác. Khi bếp lò được dùng phổ biến, việc thay bếp lò cũng được thực hiện như thay ông đầu rau. Táo quân không có cốt tượng để thờ, chỉ thờ bằng bức dán giấy hồng đơn có ghi chữ Nho "Định phúc Táo quân", hàng năm tờ giấy được thay mới trước khi đón Táo về ăn Tết cùng ông bà.



*Bàn thờ Ông Táo*

**a.2.5.Thờ Ngũ phương Ngũ thổ long thần:** Thường thể hiện trong khánh thờ dưới đất có bài vị ghi chữ nho: Ngũ phương Ngũ thổ long thần, Tiên hậu địa chủ tài thần, nhiều khi còn có cốt tượng ông Địa - Thần Tài.

**Bàn trời:** được dựng ở sân nhà, bằng cây hoặc xây gạch cao ngang tầm người, không có mái che, thường gồm 2 tầng: tầng trên thờ Thiên Hoàng, tầng dưới thờ Thổ Kỳ - Một kiểu thờ cân đối hài hòa trời - đất, trong - ngoài, trên - dưới của người địa phương.



*Bàn trời*

*( Bàn thiên nhà ông Lê Văn Lực, khu C, ấp Phước Lương, xã Phú Hữu)*

**a.2.6.Thờ khác:** Một số gia đình ở Biên Hòa - Đồng Nai còn thờ những đối tượng khác: *Thờ Tổ nghiệp* (thờ Tiên sư, Thánh sư, Nghệ sư... những người thầy đã truyền nghề cho đời sau). Những gia đình sùng đạo có trang *thờ các vị thần có nguồn gốc từ tôn giáo* hợp với lòng tin của gia đình: Thiên Chúa giáo đương nhiên có tượng thờ Chúa Jésus và Mẹ Maria trong nhà; Phật hoặc không tôn giáo cũng thường có ảnh tượng Phật, phổ biến là Quan âm Bồ tát. Ngoài ra còn có tượng ảnh *thờ Thánh bốn mạng* của gia chủ. Người Biên Hòa – Đồng Nai, Việt cũng như Hoa có những phương thuật để trấn giữ cửa nhà: Một tấm gương vẽ hình bát quái hoặc gương trong trước cửa ngụ ý ma quỷ trông thấy phải sợ mà không vào, treo tượng ảnh ông Tử vi, để ngăn chặn tà ma thâm nhập: dán ở cửa mảnh bùa Bát quái và ảnh thần Hổ cũng để ngăn trừ ma quỷ... Tấm bùa bát quái vẽ "Tứ tung ngũ hoành" có ảnh thần HỔ được thay mới hàng năm vào ngày mùng 3 Tết





*Lão võ sư Phi Long thắp nhang trên bàn thờ tổ nghiệp*

Việc thờ cúng trong nhà đã trở thành thông tục của người Biên Hòa - Đồng Nai. Người ta nghĩ rằng: mái nhà không chỉ để ở mà còn là nơi con người giao hòa với ông bà, tổ tiên, trời đất, thánh thần; nơi ấy con người được che chở, bảo vệ, được truyền thừa sức mạnh, và ân đức của lớp người trước đem lại cho lớp người sau. Và cũng ở nơi ấy, con người có bổn phận phải tri ân các bậc ông bà, thánh thần và sửa mình sống sao cho xứng đáng. Bởi vậy, việc thờ cúng trong nhà rất được coi trọng.

### *a.3.Những lễ thức gia đình trong năm.*

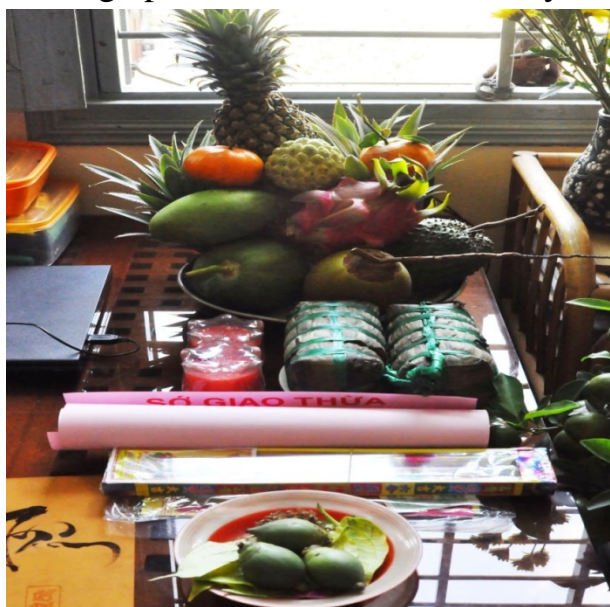
*a.3.1.Tết:* Người Biên Hòa - Đồng Nai lưu tâm đến các Tết phổ biến: Tết Nguyên Đán, Tết Đoan Ngọ và Tết Trung thu.

*Tết Nguyên Đán* là lễ tiết quan trọng nhất trong năm, ngày hội bắt đầu năm mới. Không khí Tết được khởi đầu từ ngày 23 tháng chạp, tức là ngày đưa ông Táo về trời. Sau ngày đưa ông Táo là ngày chạp mả. Ngày 25 tháng chạp, dân làng thường dọn một bữa cúng đạm bạc gọi là tiễn ông bà, thần thánh đi thăm viếng họ hàng, người thân đầu đó. Những ngày cuối tháng chạp là những ngày bận rộn: Hàng quán sửa soạn để vào phiên chợ Tết (28 đến 30 tháng chạp), thanh toán các khoản nợ nần, làm nốt các công việc đang dở dang, gửi quà biếu Tết đến thầy học, sui gia, họ hàng thân thuộc. Ngày 30 tháng chạp, mọi nhà đều soạn lễ cúng đón ông bà. Việc chưng cúng ở bàn thờ luôn thể hiện sự tươi mới, lâu bền, sung túc cho nên, hoa: thường có hoa mai (may mắn), vạn thọ (sống lâu); trái: thường có mâm ngũ quả gồm sung (sung túc), dưa (vừa), đu đủ (đủ), xoài (sài, tiêu xài), mãng cầu (thỏa mãn điều cầu mong)... Dưa hấu được chọn chưng phải là dưa ruột đỏ thắm. Nếu ngày Tết dưa không đỏ gia đình sẽ kém may mắn, cho nên các phiên chợ Tết thường có tục "bói dưa". Trên bàn thờ ông bà, thường có một gói đường phôi, đường phèn, bánh tổ, bánh nỏ đặt trên trái dưa có dán giấy đỏ.



Lễ cúng đón ông bà thịnh soạn như một bữa giỗ. Tục xưa, còn có gia đình gánh thức cúng (rất nhiều bánh trái, giấy vàng bạc) cúng đón ông bà tận ngõ. Trong ngày 30 (nếu tháng thiếu thì ngày 29), mọi nhà ở trước cửa lớn đều dựng một cây tre, trên buộc cái giỏ bằng tre, trong giỏ đựng trầu, cau, vôi; ở bên giỏ có treo giấy vàng bạc, gọi là "lên nêu"(130). Cây nêu được dựng như thế cho đến mùng 7 thì hạ. Việc đòi nợ để sau ngày hạ nêu.

Lễ giao thừa có ý nghĩa thiêng liêng nhất trong các ngày Tết. Đó là lễ "tống cựu nghênh tân" đúng vào lúc năm cũ bước qua năm mới. Đúng vào phút giao thừa, con vật nào lên tiếng trước người ta tin rằng tính khí của con vật ấy chi phối cả năm mới. Lễ giao thừa, gia chủ lên đèn sáng trong sáng ngoài, mở toang các cửa lớn nhỏ, đốt nhang khấn cúng; văn cúng ngắn gọn, nêu rõ năm tháng, họ tên gia chủ, kể tên các phẩm vật cúng, khấn các vị hành binh hành khiển mới và các vị Thổ Địa, Táo quân, Thần độ mạng, ông bà... phù hộ cho toàn gia năm mới tăng phúc, tăng thọ, an khang thịnh vượng. Cư dân Việt tin rằng mỗi năm có một vị hành binh, hành khiển và một vị phán quan coi việc nhân gian, hết năm thì thần nọ bàn giao cho thần kia. Cho nên, người ta cúng Tết để tiễn ông cũ và đón ông mới. Cứ vậy đến tròn một con giáp, bắt đầu trở lại từ năm Tý.



*Phần lễ sửa soạn cúng Giao thừa*

Ngày mùng một thực sự là ngày của năm mới. Trẻ con mặc đồ mới, làm tuổi người lớn, được lì xì tiền lẻ trong bao đỏ. Tục xông đất cũng được thực hiện như phong tục phổ biến. Người nào vía tốt đi xông đất người khác được mừng đón. Người nào tự thấy mình xui xẻo, nhiều rủi ro hoặc không hợp thì tránh xông nhà người khác. Từ mùng một đến mùng ba, người ta kiêng đổ rác, không dùng giếng nước, mạch nước, không động trong vườn, không nghỉ qua đêm ở nhà người khác. Người xưa giữ lễ nghĩa: "mùng một Tết nhà, mùng hai Tết vợ, mùng ba Tết thầy".

Từ khi rước ông bà cho đến hết ngày mùng ba, mỗi ngày mâm cúng ông bà hai lần, phụng sự chu tất như lúc ông bà còn sống.

Mùng ba là ngày Tết vườn, Tết chuông. Các loại cây cối, chuông heo, chuông gà, chuông bò đều được dán vàng bạc hoặc giấy đỏ. Gia chủ soạn một mâm cỗ gồm: gà trống luộc để nguyên con, bánh tét, hoa, trái cây, rượu, khăn cúng Thổ Công, Thổ Kỳ, Thổ Địa, Thổ Chủ phù hộ cho vườn đất, gia cầm, súc được sung mãn, sinh sôi nảy nở ra tiền của. Con trâu là đầu cơ nghiệp nên được chăm sóc kỹ nhất. Trâu được cỏ mới, được ăn một lát bánh tét; trâu đực uống một chén rượu, trâu cái uống trà; sừng được dán vàng bạc; trẻ chăn trâu được chủ lì xì nhiều tiền và bộ quần áo mới.

Tết là ngày vui chơi, nhất là đối với thanh niên, trẻ em. Các trò chơi gồm: Đốt pháo (ngày nay đã bỏ), đánh đu tiên, đá gà, múa lân, lắc bầu cua, xuất hành, hái lộc... Đó là những trò vui vẻ được người Đồng Nai ưa thích nhất.

Ngày mùng bốn cúng đưa ông bà. Lễ vật cúng như lúc đón. Theo tục cổ, người phụ nữ gánh thức cúng và vàng mã đưa ông bà đến ngõ, có khi đến tận mã, cúng và "hóa vàng" ở đấy. Một số gia đình cúng ông bà bằng cháo cá ám, dạng cháo nấu bằng cá lóc để nguyên vẩy để tưởng nhớ thuở sơ khai của gia đình. Mùng bảy có lễ hạ nêu. Lễ hạ nêu đơn giản, lễ vật như cúng giỗ. Sau hạ nêu mọi người bắt đầu công việc năm mới của mình.

*Tết Đoan Ngọ* (ngày mùng 5 tháng 5): người Đồng Nai còn gọi là Tết giữa năm; ý nghĩa của ngày Tết giữa năm là thời điểm xong mùa cấy, vào mùa hoa trái, cây cối vạn vật đều chuyển mình trong mùa mưa, côn trùng sinh sôi nảy nở gây nhiều bệnh cho cây, cho người. Vào ngày này, người địa phương tổ chức ngày Tết mừng đón mùa vụ mới đồng thời cầu cúng mong cho mưa thuận gió hòa, tránh được bệnh tật. Người địa phương chọn hoa trái đầu mùa chung cúng ông bà, có thể cúng chay hoặc cúng mặn.



*Cúng Tết Đoan Ngọ*

*Tết Trung thu:* Ở Đồng Nai, Tết Trung thu là ngày Tết của trẻ con. Phổ biến là trò rước đèn, rước cỗ bánh theo lối của người Hoa. Người lớn chuẩn bị cỗ bánh và lồng đèn bày sẵn để trẻ con rông rần đến rước, vừa đi vừa hát các bài đồng dao vui vẻ. Có nơi, trẻ con trong xóm họp thành đám, tổ chức múa lân, cũng có ông Địa dẫn đường, cũng nhảy múa diễn trò như lân của người lớn.



*Bánh Trung thu không thể thiếu trong những ngày này*

### *a.3.2.Những ngày rằm.*

Ngoài rằm tháng tám, có ba ngày rằm quan trọng được người Biên Hòa - Đồng Nai thực hiện lễ thức cầu cúng đặc biệt :

*Rằm tháng giêng* là ngày rằm đầu tiên của các ngày rằm trong năm, dân gian tin là ngày Phật giáng nên tổ chức lễ trọng, lễ hội ở chùa và lễ cúng ở gia đình

*Rằm tháng bảy* là rằm "xá tội vong ân" gắn với tích truyện Mục Kiền Liên và Lễ Vu lan của Phật giáo.

*Rằm tháng mười* nhằm vào lúc mùa vụ "com mới", các đình làng chuẩn bị cúng Kỳ yên; có ý nghĩa như Tết com mới của một số vùng thuộc đồng bằng Bắc bộ, nhưng nghi thức theo Phật giáo, lễ cúng như rằm tháng giêng, rằm tháng bảy.

Vào những ngày rằm tháng giêng, tháng bảy, tháng mười, các chùa mở hội lễ Phật, cúng cầu siêu, có thể có chay đàn ứng phú. Ngoài việc dự lễ chùa, người địa phương còn có lễ cúng tại gia, cúng Phật, vào ngày 15 bằng lễ chay và cúng thí cô hồn vào ngày 16 bằng lễ mặn. Đáng chú ý là lễ cúng thí. Lễ cúng thí nhằm cầu siêu và thí của cho thập loại cô hồn mang ý nghĩa nhân văn. Lễ cúng thí luôn có món bánh cúng, bánh cấp.

Ngoài ra, người Biên Hòa - Đồng Nai còn có những *lễ thức cúng vía* vào những ngày vía trọng trong năm: mùng 8 tháng 5 cúng sao hội; cúng vía trời đất; cúng vía Ngâu, vía Bà như rằm tháng giêng: Linh Sơn Thánh Mẫu; 19 tháng 2 và 19 tháng 6: Quan âm Bồ tát; 24 tháng 4: Bà Chúa Xứ; mùng 5 tháng 5: Bà Ngũ



hành; mừng 9 tháng 9: Cửu Thiên Huyền Nữ và các loại cúng khác như cúng Tá thổ (cúng mượn đất)...

#### *a.4.Những tập quán, tín ngưỡng gắn với cộng đồng xã hội.*

##### *a.4.1.Đình và Lễ hội cúng đình*



*Đình thần Phước Lương, xã Phú Hữu, Nhơn Trạch, Đồng Nai*

Cũng như đặc điểm chung của Nam bộ, đình ở Biên Hòa - Đồng Nai "thờ hàng chục, có khi đến ba bốn chục vị thần, tạm thời chia các vị thần ở thần điện Nam bộ làm hai nhóm:

+ Nhóm 1: Thành Hoàng và Phúc Thần do những người đi khai hoang đem từ quê hương cũ vào thờ.

+ Nhóm 2: Những vị thần linh theo tín ngưỡng dân gian. Xét về cơ cấu, lại chia thành ba nhóm khác:

+ Tập hợp các thần linh thuộc đôi tượng tín ngưỡng chính thống của đình.

+ Tập hợp các vị tiên bối hữu công của làng như: Tiên hiền, Hậu hiền, các anh hùng liệt sĩ, các tổ nghề: Tiên sư, Tổ hát bội, Tổ nhạc lễ.

*Tục thờ vọng Quốc tổ và các anh hùng dân tộc:* Cư dân Việt tuy xa quê hương nhưng không rời cội nguồn, tâm thức luôn hướng về Quốc tổ. Đình, đền, Quốc tổ ra đời tuy muộn nhưng sớm trở thành trung tâm văn hóa ở địa phương, thu hút niềm tin của các lớp người. Đền Hùng Vương ở Biên Hòa (xây dựng năm 1960), do giáo dân Thiên Chúa giáo lập và phụng thờ, trong điện thờ tượng Hùng Vương thứ 18, có bàn thờ Bác Hồ như vị Hùng Vương thứ 19. Ngày lễ hội 10/3 âm lịch rất đông người trong và ngoài tỉnh đến dự tưởng niệm. Trước bàn thờ Quốc tổ Hùng Vương có đủ thành phần già trẻ, gái trai, giáo dân, phật tử, cán bộ cách mạng. Đây là biểu hiện vừa cổ truyền vừa hiện đại của truyền thống đại đoàn kết toàn dân và nghĩa đồng bào ở người Việt Nam. Các anh hùng dân tộc: Trần Hưng



Đạo, Nguyễn Tri Phương; các danh nhân có công với vùng đất Đồng Nai: Nguyễn Hữu Cảnh, Trần Thượng Xuyên và những nghĩa sĩ chống Pháp: Trương Định, Nguyễn Đức Ứng, Đoàn Văn Cự... cũng được phụng thờ như Thành Hoàng của làng.



*Chủ tịch UBND TP. Biên Hòa Phạm Anh Dũng, chủ lễ của Lễ giỗ Tổ Hùng Vương năm 2016 tại TP. Biên Hòa thực hiện nghi thức dâng hương (Ảnh sưu tầm)*

**Tục thờ Bác Hồ ở đình** cũng là biểu hiện đáng chú ý. Tượng ảnh Bác thường được thờ ở bàn Hội đồng hay vị trí của Tiên sư ở hậu điện, hoặc lập bàn thờ Bác ở chính điện mỗi khi tiến hành cúng Kỳ yên. Đình Phú Mỹ (xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch) đã ngằm thờ Bác Hồ bằng 3 bức hoành phi (chữ Hán) qua mắt được kẻ địch: *Hồ nhiên nhi thiên Chí vọng thâm ân Minh hoài hậu đức*



*Bàn thờ Bác tại Đình Phú Mỹ*

**Lễ hội cúng đình** thể hiện phần hồn của đình ở Nam bộ, phần lễ trội hơn phần hội. Lễ cúng quanh năm, có thể chia thành hai loại: Tạp tế và cúng kỳ yên. *Tạp tế* là các lễ nhỏ vào các lễ tiết và ngày vía thánh thần trong năm, cúng chứ không tế, và không mở hội, thường là do các hương chức, hội tề hoặc Ban tế tự

dâng cúng lễ vật rất đơn giản và lời khấn ngắn gọn. Các đình không nhất thiết giữ đúng lệ theo lịch lễ tiết nhất định mà tùy theo Ban quý tế của từng đình mà thủ lễ, thêm hoặc bớt ngày cúng; có đình cúng đầy đủ các ngày sóc, vọng; lễ Thượng điền, Hạ điền; cúng cô hồn, liệt sĩ; cúng mặn hoặc cả chay lẫn mặn...*Lễ Kỳ yên* là lễ chính của đình gọi là lễ vía thần, nhưng thực là lễ hội nông nghiệp để cầu an: Cầu cho quốc thái dân an, phong điều vũ thuận. Mỗi đình định ngày cúng Kỳ yên riêng, phổ biến là trong 3 tháng đầu năm hoặc 3 tháng cuối năm âm lịch. Nghi thức cúng lễ Kỳ yên ở đình làng Nam bộ tuân theo điển lệ của triều đình nên trình tự cúng tế của các đình căn bản giống nhau: Lễ hội thường diễn ra trong 3 ngày, gồm có 3 lễ chính: Túc Yết, Đàn cả (Đoàn cả), Tiền hiền - Hậu hiền. Những nghi lễ khác như: Rước sắc thần, Xây châu- đại bội, Đưa khách... là những lễ thức phụng sự trong 3 lễ chính. Trong lễ Kỳ yên, có sự quy định khá nghiêm ngặt về thành phần nhân sự tham gia tế tự. Nếu các lễ cúng nhỏ tạp tế có thể do ông từ thực hiện thì việc tế tự trong lễ Kỳ yên do Ban Tế tự đảm trách với sự phân công cụ thể và chuẩn bị chu đáo. Những người trong Ban Tế tự được tuyển chọn, phân công phải là người cao niên, có uy tín, có đạo đức. Thành phần tham gia tế tự gồm: Chánh niệm hương (1 vị danh dự nhất, thường do Kế hào hoặc Trưởng ban Tế tự phụ trách); Chánh bái (1 vị, chủ tế); Bồi bái (2 vị, thủ lễ ở 2 bàn cạnh Chánh bái); Đông hiền và Tây hiền (2 vị, thủ lễ ở Tả ban, Hữu ban); Chấp sự viên (4 vị, nhiệm vụ đánh trống lệnh, trống lớn, chiêng, mõ); Thị lập (4 vị, đứng bên các bàn chính điện và tả hữu); Thầy lễ (điều khiển chương trình, đọc văn cúng); Học trò lễ (lễ sinh, ít nhất 3 cặp: 2 cặp bung đèn, đài; 1 cặp cúc cung xướng lễ); Đào thái (2 đến 4 cặp, đi sau lễ sinh, quạt và hát); Ban nhạc lễ (đầy đủ là 11 người, chơi 11 loại nhạc cụ cổ truyền; thường là 4 hoặc 5 người chơi trống, kèn, nã bạt...); Lính hầu (4 kép hát bội mặc võ phục đứng hầu); Thủ từ (túc trực bàn thần để gõ chuông, xếp lễ vào bàn)... Mỗi vị đều mặc lễ phục cổ truyền theo quy định, nhất nhất làm phận sự một cách trang trọng. Lễ vật dâng cúng các bàn thần gồm: hoa, trái, nhang, đèn và các món cúng mặn: thịt luộc, rau, mắm, muối, các món xào, kho... ở bàn La liệt, tế thần luôn phải có món xôi và thịt sống. Xôi thực ra là cơm nếp được chọn nếp ngon nhất, nấu khéo nhất, đơm đẹp nhất để tế thần. Thịt sống nhằm để thần hưởng sự tinh nguyên từ lòng thành; thường thì heo tế phải nguyên con được cạo sạch lông để ở bàn La liệt, tư thế quỳ hướng đầu về phía bàn thần, người địa phương gọi là heo chong. Trước kia, người ta chọn heo đen tuyền, lý do chưa rõ, có người giải thích đó là heo bản địa, thuần giống, chưa lai tạp. Nay, hiếm heo đen, được chọn heo trắng nhưng kỵ heo lang. Làng giàu có thể cúng theo tục cổ. Heo tế phải qua lễ tinh sanh.*Lễ tinh sanh* còn gọi là lễ thỉnh sanh thường thực hiện vào lúc 0 giờ đêm Túc Yết nhằm mục đích trình thần vật cúng tinh nguyên.

*Lễ Túc Yết* là lễ trực ra mắt thần trước khi vào lễ chính thức; thường tiến hành trước ngày Đền cả, bắt đầu vào buổi sáng hoặc buổi chiều tùy theo lệ mỗi đình. Nghi thức lễ Túc Yết theo bài bản có sẵn, mọi đình đều làm theo.

*Lễ Đền* cả do người địa phương đọc trại âm từ Đoàn cả mà ra, được tiến hành ngày thứ hai của lễ hội; giờ hành lễ khi xưa thường bắt đầu vào lúc 0 giờ những đình làng gần với sông nước thì chọn giờ con nước; nay thì chọn giờ thuận lợi trong ban ngày. Nghi thức lễ Đoàn cả thực hiện như lễ Túc Yết, chỉ khác ở chỗ lễ sinh xướng: "Tạ thần" thay cho "Nghinh thần" khi hành lễ tấn tước.

*Lễ Tiên hiền - Hậu hiền* nhằm tạ ơn các vị "Tiên hiền khai khẩn, Hậu hiền khai cơ" và các bậc có công với làng, với đình. Lễ thường diễn ra sau lễ Đền cả vài giờ. Nghi thức đơn giản hơn lễ Túc Yết, nhưng không kém phần long trọng.

Một số đình còn tiến hành các nghi lễ khác như *cúng Cô hồn, lễ Thỉnh sắc, Hội sắc, lễ Tống phong, lễ xây châu - đại bội - hát tuồng*

*a.4.2. Miếu và Lễ hội cúng bà:* Ở Đồng Nai, miếu đa dạng và số lượng nhiều hơn đình. Xét về đối tượng thờ cúng, nhận thấy thần điện của miếu đa tạp hơn đình, chùa. Có thể phân thành các dạng chính:

*Thờ vong hồn linh ứng:* Những người chết "bất đắc kỳ tử" đều được tin là linh ứng, thường được thờ (các anh hùng, liệt sĩ hữu danh hoặc vô danh)



*Miếu Bình Hòa- số 22/48 KP 2, phường Quang Vinh, TP Biên Hòa (lập từ năm 18377 thờ vị công thần chết trận trong cuộc binh biến của Lê Văn Khôi)*

*Thờ các phúc thần: Thần Hồ, Rái Cá, Mãng Xà vương*



*Miếu thờ Phong quân (thần Hồ) ở Đình ông Cọp xã Phước Thiên*

*Thờ Thánh mẫu (thờ Bà):* tín ngưỡng thờ nữ thần "sâu rễ bền gốc" trong tâm linh của cư dân Việt ở Đồng Nai.

Một số miếu có tượng thờ. Đối tượng thờ “Ông” ở một số miếu như: miếu Cổ Thạch (đình Tân Lâm, phường Hòa Bình), miếu Ông Đá (phường Bửu Long), miếu Đắc Phước (phường Tân Vạn) có tảng đá được phủ vải đỏ.



*Miếu thờ Ông Đá ở TP. Biên Hòa*

Phổ biến hơn là các miếu thờ “Bà”. Đối tượng thờ là Bà Chúa Xứ thì bài trí một tượng, đối tượng thờ là Ngũ Hành nương nương thì tùy thuộc từng miếu: có miếu bài trí một tượng chung, nhưng cũng có miếu bài trí 5 pho tượng Bà với sắc diện trang phục ứng với từng đặc điểm thân vị mỗi Bà: vàng (hành Thổ), đỏ (hành Hỏa), đen (hành Thủy), xanh (hành Mộc), trắng (hành Kim).

Tục thờ Bà ở Đồng Nai gắn liền với những lưu dân Việt, Hoa trong quá trình đến mở đất, khai khẩn và cả sự tích hợp trong quá trình cộng cư. Có nhiều vị nữ thần được thờ có gốc tích từ quê gốc của lưu dân Việt (Bắc bộ, Trung bộ), nhập cư của người Hoa hoặc sự dung hợp trong tín niệm với các nữ thần của dân tộc Chăm để rồi “dung hợp”, trở thành một tín niệm, sinh hoạt tín ngưỡng phù hợp và đáp



ứng nhu cầu thực tế của cộng đồng cư dân mang tính chất của địa phương. Ở Đồng Nai, Bà được thờ là một tập hợp các nữ thần có nguồn gốc và "lý lịch" khác nhau, được thờ cúng ở miếu tùy theo tâm niệm của mỗi nơi: Bà Âu Cơ: Bà mẹ "thủy tổ" của dân tộc, theo cư dân Việt vào Đồng Nai khá muộn, được lập miếu thờ vọng gắn với thờ Quốc tổ ở vùng đất mới khai phá sau 1954, thờ cúng đơn giản, lễ cúng chính vào ngày 10/3 âm lịch. Bà Ngũ Hành: Được thờ phổ biến nhất, đó là 5 vị nữ thần ứng với: Kim Đức thánh phi, Mộc Đức thánh phi, Thủy Đức thánh phi, Hỏa Đức thánh phi, Thổ Đức thánh phi. Năm bà Ngũ Hành chỉ là ý niệm chung về các vị nữ thần có thiên chức phù trợ cho việc sản sinh và phát triển, không có thần tích cụ thể; ngày vía chính là 5/5 âm lịch. Ở những vùng nhiều hỏa hoạn, đông người Hoa, nhiều khi Bà Hỏa (Hỏa Đức thánh phi) được thờ riêng một miếu. Liễu Hạnh Công chúa: Nữ thần quen thuộc của cư dân Việt ở đồng bằng Bắc bộ, một thành viên trong Tứ Phủ được thờ ở miếu Bà dưới chân núi Gia Lào (thuộc địa bàn huyện Xuân Lộc), được cúng vía vào ngày rằm tháng 3 âm lịch. Bà Chúa thượng: Một nữ thần của cư dân đồng bằng Bắc bộ, của Tam Tòa, Tứ Phủ theo cư dân Việt vào Đồng Nai khá sớm, còn dấu vết được thờ ở nhiều nơi. Bà Chúa Ngọc: Là biến thể của Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi, mẹ xứ sở Po Inur Nagar của người Chăm; vừa được xem là thần độ mạng cho phụ nữ tại gia, vừa là thần nữ phù trợ cho cộng đồng. Lễ cúng vào ngày 3 tháng 3 (âm lịch) và các ngày rằm lớn. Chúa: Cũng cùng một gốc với Chúa Ngọc, Chúa Tiên nhưng có trú sở, lai lịch và thần tích riêng. Thiên Hậu Thánh mẫu: là vị nữ thần của người Hoa, họ Lâm gốc Phúc Kiến, được người Hoa đưa vào Nam bộ, hòa nhập với thần thánh địa phương trở thành một trong những vị thần bản địa. Vía Bà Thiên Hậu ngày 23/3 âm lịch. Cửu Thiên Huyền Nữ: là vị thần độ mạng phụ nữ, đồng thời là vị thần khai sáng, dạy cho con người biết làm nhà hai mái, biết làm mộc, đóng thuyền; Lộ Ban, Lộ Bốc, thờ Bà làm thầy. Bà được thờ trong miếu khắp nơi, vía Bà ngày 9/9 trùng với ngày Trùng Cửu của người Hoa. Mẹ Thai sanh: Người Đồng Nai thờ Mẹ Thai sanh- với quan niệm là "mười hai Mụ Bà và ba Đức Thầy". Thủy Long Thần nữ: Gốc là một thần giếng, dần dần được quan niệm là một thần cai quản sông nước, gọi chung là bà Thủy, ngày vía cũng là ngày 5/5 âm lịch. Quan âm Bồ tát: Người địa phương quan niệm Quan âm có họ hàng với các nữ thần, cùng chức năng cứu khổ, cứu nạn nhất là cứu nạn trên biển. Cho nên, Quan âm được kéo ra khỏi chùa, gắn với các miếu, nhiều khi cũng được cúng đồ mặn như các nữ thần khác hoặc phối tự ở các miếu lẻ. Các nữ thần bản địa: Vừa dung nạp những vị nữ thần nhập cư, người Biên Hòa - Đồng Nai vừa có xu hướng gởi gắm niềm tin của mình ở những nữ thần tuy không giàu thần tích nhưng gắn bó với mảnh đất mình đang sinh sống như: Thị Vãi(miếu thờ gắn liền với tên núi ở Long Thành - Bà Rịa), Cô bóng Hiên (miếu

thờ ở Thiên Tân (Vĩnh Cửu)), Lê Thị Hồng(thờ phụng ở Dinh Cô). Việc bài trí điện thờ hết sức đơn giản, gồm bát nhang, bình bông, chén nước, chân đèn; những ngày cúng thì: nước trong, bông tươi, nhang thơm, đèn sáng; lễ vật cúng có thêm bánh, trái, xôi, chè, thịt, thường là thịt vịt hoặc heo thu gọn thành thủ vĩ. Nhiều nơi vật thờ còn có thêm: gương, lược, trâm cài, quạt và một vài món trang sức khác của nữ giới. Những miếu độc lập thường có thêm Tả ban, Hữu ban; Nhị vị công tử, Nhị vị công nương, Cậu Chài, Cậu Quói. Có miếu đầy đủ bàn thờ chư vị như: Tiên sư, Thành Hoàng, thần Hổ, thần Nông, Chúa Tiên, Quan âm Bồ tát. *Lễ hội cúng Bà* ở mỗi miếu một khác, tùy vào ngày vía của mỗi Bà. *Lễ vật cúng* đơn giản, không nhất thiết phải heo sống, heo đen, xôi tinh khiết, cũng không nhiều kiêng kỵ như cúng đình; bình thường thì: heo quay, heo luộc, mâm xôi, đèn nhang, vàng bạc, bánh trái; có thể cúng vịt; nghèo hơn thì cúng gà, xôi chè, heo thu gọn thành thủ vĩ, vịt quay... nói chung là tùy tâm, tùy sức. Dân làng thành tâm dâng cúng hoa, mâm vàng bạc, đồ trang sức.. đều được, miễn là lòng thành. Đêm trước ngày vía, người ta tiến hành lễ thay áo cho Bà như lễ mộc dục phổ biến. Khi tiến hành lễ này, Chánh bái, Bồi tế lên nhang đèn khấn vái xin phép Bà, rồi lui ra. Các phụ nữ "sạch mình" đã chuẩn bị sẵn nước thơm (nước lá sả, hương nhu, bông bưởi), dùng khăn sạch nhúng nước thơm lau khắp tượng Bà; khăn lau xong, vắt trả nước ra thau khác, cứ như thế cho đến khi sạch rồi thay cho Bà áo mới. Áo cũ và khăn lau không được dùng vào việc khác, sau phải đốt. Một số miếu lại có tục nghênh ông ở đình về dự trước khi hành lễ chính; nghênh ông bằng kiệu có lỗ bộ, dàn nhạc, Lễ sinh và Chánh tế, Bồi tế đi hầu. Lễ đón ở đình, lễ xong phải đưa về.

Các nữ thần được thờ tại miếu ở Đồng Nai phần lớn có nguồn gốc nữ thần biển, đánh dấu một hội ức gắn với chặng đường gian lao hình thành các cộng đồng cư dân Việt ở Đồng Nai. Với một tập hợp nữ thần phức hệ như thế, Đồng Nai như là điểm hội tụ đồng thời cũng là nơi khuếch tán các hệ tín ngưỡng thờ nữ thần của miền Bắc, miền Trung, miền Tây, người Hoa và bản địa. Tục thờ cúng nữ thần cũng cho thấy, cư dân Việt ở địa phương ít nhất cũng tìm được biểu tượng có ý nghĩa nhân bản hơn tư tưởng Nho giáo vốn xem thường phụ nữ.



*Miếu Ngũ Hành nương nương trong khuôn viên đình Tân Lâm*

(TP. Biên Hòa)



*Lễ cúng ở các miếu tại Đồng Nai, nhất là miếu Bà, thường có hát Bóng rỗi cùng chập Địa nàng - một loại hình nghệ thuật truyền thống phổ biến ở vùng Biên Hòa - Đồng Nai xưa*

**a.5. Tập quán, tín ngưỡng của các dân tộc bản địa** có nhiều nét khác cư dân Việt, Hoa:

Người Châu Mạ thờ thần Yang Nđu tối cao, cúng Yang Bri (thần rừng) vào mùa săn bắn; cúng Yang Hiu (thần nhà) cầu cho gia đình bình yên; quan trọng nhất là lễ cúng Yang Bơnom (thần núi) và Yang Koi (thần lúa) với sinh hoạt cổ truyền của cộng đồng. Người Mạ không coi trọng trinh tiết, trai gái Mạ tự do tìm hiểu kết bạn, con cô con cậu có thể kết hôn; đám hỏi, đám cưới có già làng làm mai dong; sau cưới chú rể ở bên nhà gái, sau đó mới ra riêng; luật tục truyền khẩu "ndrih" được thực hiện nghiêm, tội ngoại tình, chửa hoang bị phạt nặng. Khi có người chết, người làng làm lễ cúng Yang Bri xin cây đục làm hòm; hòm đưa vào nhà dài qua cửa lớn; xưa để lâu ngày mới chôn, người chết được chia của; thầy chang cúng tế theo nghi thức cổ, làng có đám tang kiêng cử đi rừng 7 ngày; sau ba năm có lễ bỏ mả như phong tục các dân tộc Tây Nguyên.

Người Stiêng, Châu Ro có tập quán, tín ngưỡng tương tự người Châu Mạ, khác nhau ở tiểu tiết và tiếng nói, giống nhau ở quan niệm cổ truyền của cư dân cùng địa bàn cư trú Nam Trường Sơn.

**Nhìn chung:** Các phong tục tập quán, tín ngưỡng dân gian của cư dân Việt ở Đồng Nai phản ánh tính dung hợp tín ngưỡng dân gian, chịu sự tác động, ảnh hưởng các tôn giáo khác mà Phật giáo thể hiện khá rõ nét (Ví dụ: việc “nằm lửa” của sản phụ cũng đã thấy các hệ tín ngưỡng Hoa – Việt – Chăm đan xen, hội nhập và cùng biểu hiện) Các tập quán, tín ngưỡng văn hóa dân gian của cư dân Biên Hòa- Đồng Nai đã góp phần rất lớn trong quá trình hình thành và phát triển của bản sắc văn hóa dân tộc; góp phần vào việc bảo tồn, lưu truyền và giáo dục truyền thống, cội nguồn lịch sử- văn hóa dân tộc. Bên cạnh các yếu tố truyền thống, bản địa, các tập quán, tín ngưỡng của cư dân Biên Hòa- Đồng Nai cũng thể hiện rõ sự hội nhập, đan xen có chọn lọc của nhiều nền tín ngưỡng văn hóa khác: ví dụ như

tập quán của các dân tộc anh em, tín ngưỡng của người Hoa... đan xen trong tập quán, tín ngưỡng người Việt bản địa- một ý thức hệ vừa mang tính truyền thống, vừa mang tính thức thời phù hợp với các giai đoạn, biến cố của lịch sử, yêu cầu phát triển của tình hình đất nước. Trong sinh hoạt văn hóa - tín ngưỡng dân gian của cư dân Việt ở Đồng Nai ít thần bí, sự lý giải về thần linh thường dựa vào lôgic hiện thực hơn là trí tưởng tượng thần thoại. Thần linh trong tín ngưỡng dân gian của cư dân Việt ở Đồng Nai cũng không cách biệt với cõi người, nhân tính nhiều hơn thiên tính, ban phúc hơn là giáng họa, hiếm thấy tà thần, dâm thần. Người Đồng Nai đối với thần linh bằng lòng thành tri ân hơn là sự sợ hãi, phục tùng. Do hình thành muộn và bị đứt gãy bởi nhiều biến cố lịch sử, các tập quán lạc hậu, rườm rà, không cần thiết sẽ được bỏ hoặc tiết giảm bởi những quy ước, cách ứng xử khoa học hơn; niềm tin ở tín ngưỡng dân gian còn cội rễ trong lòng người nhưng tri thức về nó đã rơi rụng nhiều dẫn đến sai lệch, chấp vạ và sự phục hồi tùy tiện, thậm chí nhân bản sai lệch đã đưa đến những hiện tượng tâm lý "có thờ có thiêng", "tứ tung linh tàng" đang phổ biến. Đó là mảnh đất hoang để những kẻ vụ lợi gieo cấy mầm mống có hại. (Ví dụ như "Hội thánh Đức chúa trời" đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai hiện nay). Việc phục cổ một cách máy móc và hành vi mua thần bán thánh tinh vi cũng có nguồn gốc từ đây. Tín ngưỡng có lòng tin mà thiếu hiểu biết rất dễ đồng hành với mê tín, dị đoan.

Cái gì thuộc về con người thì không thể xa lạ với đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước, sinh hoạt văn hóa - tín ngưỡng dân gian của cư dân Việt ở Đồng Nai là một mặt quan trọng trong đời sống tinh thần của con người, cần được Đảng và Nhà nước quan tâm đến như là một thành tố quan trọng trong "chiến lược con người".

*b) Là một người con được lớn lên trên mảnh đất Nhơn Trạch này, tôi rất may mắn khi được ông bà, cha mẹ đã kể cho tôi nghe nhiều mẫu chuyện gắn liền với vùng đất trẻ trung này. Đó là những thói quen, nếp sống, tập tục bình dị của người nông dân xưa; những ngày lễ Tết, truyền thống gia đình ăn sâu trong văn hóa người Việt nói chung và người dân Nhơn Trạch nói riêng. Trong đó, gắn liền với tuổi thơ tôi là những kí ức đẹp về những ngày được ông bà, ba mẹ cho mặc bộ đồ mới, chính tề tham gia Lễ Cúng Kỳ Yên hàng năm để cầu an và dâng hương, tế lễ, tạ ơn Thần Thành Hoàng. Để cảm nhận được rõ nét về sự độc đáo trong tín ngưỡng văn hóa lâu đời được lưu giữ đến ngày nay thì phải nhắc đến Lễ cúng kỳ yên ở Đình Phước Thiện thuộc địa bàn xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch (Đồng Nai) hay còn gọi là đình Ông Cọp, được khởi dựng cùng với thời gian thành lập làng Phước Thiện vào khoảng cuối thế kỷ XVIII*



***đầu thế kỷ XIX. Đình Phước Thiên được UBND tỉnh Đồng Nai công nhận là Di tích Lịch sử - Kiến trúc- Nghệ thuật cấp tỉnh vào ngày 07/12/2009.***

Hàng năm cứ vào ngày 15 và 16/11( âm lịch), Ban tế tự đình Phước Thiên và nhân dân địa phương đều tổ chức Lễ cúng Kỳ yên nhằm tế lễ và tạ ơn Thần Thành Hoàng.

Trước đây, lễ hội Kỳ yên tại đình được tiến hành với đầy đủ các lễ như lễ Thượng nêu, lễ Thượng kỳ; lễ Rước sắc, lễ Khán sắc, lễ Thịnh sanh, lễ Túc yết, lễ Xây châu, lễ Đàn cả; lễ Hồi sắc và lễ Hạ nêu. Những nghi thức lễ Thần là kết quả sáng tạo của cộng đồng cư dân địa phương trong quá trình khai phá, mở mang bờ cõi. Đặc biệt, đình còn lưu giữ những yếu tố có giá trị lịch sử và văn hóa cao như lễ Thịnh sanh và Túc yết.

12 giờ khuya rằm ngày 15/11, Ban tế tự tiến hành nghi thức cúng Đòn cả. Con vật tế cũng là một con heo còn sống, heo trắng, được tắm rửa sạch sẽ bằng rượu, nặng khoản hơn tạ, bị cột bốn chân. Mao tế cũng phải tắm rửa sạch sẽ, ăn mặc đàng hoàng, thực hiện nghi thức lạy Ông. Cùng với hai nho sinh, ông chánh tế, ông bào tế tiến hành hành quyết heo. Chánh tế dùng chén sạch hứng máu cùng một nhúm lông của con vật này, đặt lên bàn ông cùng con dao dùng để mổ heo. Chén huyết có ít lông này gọi chung là "mao huyết". Con heo được phân ra kí khoảng 30 miếng thịt đều nhau để cúng ở các bàn; còn hai vai, hai đùi và cái đầu thì luộc chín để ở bàn cúng Ông.

Lễ thượng nêu được tổ chức vào lúc 6 giờ sáng hôm sau nhằm để tưởng nhớ ngày cúng đình. Các vị bô lão chọn ra người lớn tuổi nhất rước lá Đại kỳ (lá cờ Tổ quốc) trong bàn Ông. Sau khi thắp nhang, vái lại xong, vị bô lão thỉnh lá Đại kì đem ra ngoài. Hơn chục thanh niên cùng nhau thực hiện lễ Thượng kỳ. Thực hiện xong Thượng kỳ, Ban tế tự mới được phép vào trong Đình để trang trí, chuẩn bị lễ đến 11 giờ trưa là phải hoàn thành xong các nhiệm vụ của trang trí.

Lễ rước sắc: Theo Trưởng Ban tế tự của đình thì “Sắc thần” là một miếng vải vuông màu đỏ (gần giống như “Chiếu chỉ”) có ấn tính của vua. “Sắc thần” của đình đã bị đốt cháy trong thời kỳ của lính Tây vào miền Nam. Ông Hôn (người có trách nhiệm giữ “Sắc thần”) sợ Tây lục soát ông đã nên giấu trên cây dừa gần nhà. Lúc nhà ông bị lính Tây đốt cháy thì “Sắc thần” cũng bị cháy theo. Sau này, để thay “Sắc thần” thì ông Trịnh Văn Mười (một người có tâm luôn hướng về đình) đã làm một tượng ông Cọp mạ vàng 18k (hơn 6 chỉ vàng), hoành (đường kính) gần 27cm, chiều dài gần 30 cm để biểu cho đình. Tượng này được giao cho ông Từ của đền có trách nhiệm bảo quản và đưa đến đình vào Lễ rước sắc.

Lễ Thịnh sanh phải diễn ra trước lễ Túc Yết. Các nho sinh cùng Hội lễ ra cúng lạy Ông xong rồi mới tiến hành hành quyết con heo. Con vật tế của lễ Thịnh

sanh cũng được tiến hành giống như lễ Đòn cả nhưng chỉ khác ở chỗ không lấy “mao tuyết”. Con heo cũng được phân kí ra thành 30 phần bằng nhau để tiến hành lễ cúng Túc Yết vào đúng 12 giờ trưa.

Đến giờ hành lễ, các thành viên của Ban tế tự mặc áo thụng xanh, khăn đóng, mang giày đứng sếp hàng hai bên cùng với ban nhạc lễ, các học trò lễ trong tư thế sẵn sàng. Rồi một học trò lễ bắt đầu xướng các nghi thức và các hương chức được phân công tuần tự thực hiện những nghi thức như sau: Cũ sát tế phẩm (kiểm lại đồ cúng); Tuần hương (dâng hương); Tuần rượu thứ nhất (dâng rượu lần nhất); Đọc văn tế bằng chữ Hán; Tuần rượu thứ hai (dâng rượu lần hai); Tuần rượu thứ ba (dâng rượu lần ba);...



*Ban tế tự Đình ông Cọp*

Nội dung phân văn tế đề cập đến ngày tháng tổ chức lễ cúng đình, xin phép thực hiện các nghi thức lễ, giới thiệu các vị chánh tế, bồi tế phụ trách cúng năm nay và cầu xin thần Nông về chứng giám lễ cúng tại đình Phước Thiện, phù hộ cho xã Phước Thiện trong năm tới được “quốc thái dân an – mưa thuận gió hòa – cuộc sống sung túc, no đủ”. Thành phần tham gia nghi thức lễ gồm có 2 chủ xướng, 12 học trò lễ và 8 quân sỹ. Trước khi thực hiện nghi thức lễ, người cả lễ sẽ đánh 3 hồi chiêng, 03 bô lão mỗi người sẽ đánh 3 hồi mõ, 3 hồi đại hồng chung và 3 hồi trống. Nghi thức này với mục đích xin phép thần Thành Hoàng và thông báo cho toàn thể người dân trong làng, xã biết phần lễ sắp diễn ra tại đình.

Đến ngày Lễ hội Kỳ yên, nhân dân trong xã Phước Thiện và các địa phương khác tề tựu về đình, với lòng thành kính dâng lên Thần Thành hoàng và các vị thần khác đầy đủ các lễ vật như: trà, rượu, xôi, thịt, hoa, trái cây... Chịu trách nhiệm cúng sẽ là Chánh tế và các vị Bồi tế, hỗ trợ cúng sẽ là các vị kỳ lão và Ban tế tự.

Thường ở những đình khác thì sau phần lễ là phần hội nhưng Đình thần ông Cọp thì không tiến hành phần hát hội vì xuất phát từ điển tích: từ thời Pháp, các chức sắc của làng xã nắm quyền điều hành đình, tổ chức cúng đình có rước đoàn hát

Bội về nhưng không cho dân làng tổ chức cúng. Khi tiết mục đang diễn ra thì sân khấu bị sập nên từ đó, người dân quan niệm rằng Ông không đồng ý nên phần “ hát hội” bị bỏ luôn.

Hàng năm, gia đình tôi đều tham gia Lễ cúng Kỳ yên với mong nguyện cầu xin thần Hoàng phù hộ cho gia đình luôn yên ấm, công việc thuận lợi, sức khỏe dồi dào, tâm an yên....



*Nhân dân tham gia Lễ cúng Kỳ yên*

Ngoài thần Thành Hoàng, đình còn thờ Tả ban, Hữu ban, Bạch mã Thái giám, Tiên hiền, Hậu hiền, Tiên sư, Ngũ hành nương nương, Thổ công, Thần nông, chúa rừng và các anh hùng liệt sỹ của xã Phước Thiện trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Ban đầu, đình có quy mô nhỏ, kiến trúc đơn giản, kết cấu là cột tre, vách đất, mái lá. Trải qua nhiều lần trùng tu, tôn tạo, trong đó lần trùng tu lớn nhất vào khoảng giữa thế kỷ XIX đã mang lại cho ngôi đình diện mạo như ngày nay.



*Thờ Tiên sư tại Đình ông Cọp, Phước Thiện*



+ Tập hợp các vị thần thuộc tín ngưỡng dân gian truyền thống.



*Thờ Thổ Công và Ngũ Hành tại Đình ông Cọp, Phước Thiện*



*Bia tưởng niệm các vị anh hùng liệt sĩ ở Đình ông Cọp*

Thần Thành hoàng Bổn cảnh là vị thần bảo hộ cho cộng đồng dân cư trong thôn làng, việc thờ phụng Thần Thành hoàng tại đình còn có ý nghĩa khẳng định sự trường tồn của làng xã, thôn ấp. Đình Phước Thiện và các nghi lễ cúng đang được lưu truyền nối tiếp nhau từ thế hệ này sang thế hệ khác đã và đang góp phần bảo tồn, phát huy, phát triển những giá trị văn hóa truyền thống vốn có của dân tộc Việt Nam từ xưa đến nay. Đồng thời, góp phần thể hiện tự do tín ngưỡng, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Tuy nhiên, hiện nay, trên một số trang thông tin có viết về đình ông Cọp nhưng có nhiều chi tiết chưa chính xác làm ảnh hưởng đến bản sắc vốn có của Đình. Hi vọng là các cơ quan



chức năng có sự can thiệp để trả lại những giá trị thực tế, đúng nghĩa của Đình đã in sâu từ bao đời nay trong lòng nhân dân địa phương.

***c) Để phát huy và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc trong giai đoạn hiện nay, về góc độ cá nhân, tôi nghĩ rằng:***

Xác định công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống đặc sắc là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong thời kỳ hội nhập, thực hiện có hiệu quả trong Nghị quyết TW 5 khóa VIII, Nghị quyết Đại hội khóa X của Đảng là “*Tiếp tục phát triển sâu rộng và nâng cao chất lượng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Gắn kết chặt chẽ và đồng bộ văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội, làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Xây dựng và hoàn thiện giá trị, nhân cách con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*”. Theo ý kiến cá nhân tôi: phát huy và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc trong giai đoạn hiện nay là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân mà trong đó, mỗi cá nhân là một nhân tố đóng góp rất quan trọng.

Tôi cũng rất đồng tình với quan điểm của GS, TSKH Vũ Minh Giang, Phó chủ tịch Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: “*Văn hóa Việt trường tồn đến nay là nhờ tổ tiên, ông cha ta đã biết giữ lại những gì thuộc về tinh hoa, tinh túy của dân tộc, đồng thời biết tiếp thu có chọn lọc những giá trị văn hóa tiến bộ của nhân loại.*

*Tư duy, năng lực ứng xử linh hoạt, tổng hợp là nét đặc trưng nổi bật của con người Việt Nam qua các thời đại. Trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay, chúng ta cần tiếp tục kế thừa và phát huy tính cách đó để bảo vệ những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Nhưng bảo vệ không có nghĩa là “khư khư giữ bằng được” những cái đã có, mà phải biến những giá trị đó thành một trong những tài nguyên, một trong những lợi thế cạnh tranh của nước ta trong hội nhập quốc tế. Vì tài nguyên thiên nhiên chỉ là hữu hạn, khai thác mãi sẽ đến lúc cạn kiệt. Nhưng di sản văn hóa dân tộc càng khai thác thì càng phát triển, vì đó là một thứ tài nguyên tái tạo vô tận. Vấn đề là ở chỗ phải có tri thức hiểu biết, có sự linh hoạt sáng tạo phù hợp với thực tiễn mới có thể biến di sản văn hóa thành tài nguyên, thành sức mạnh nội sinh và động lực phát triển cho đất nước. Do đó, có thể nói rằng, bảo vệ di sản văn hóa dân tộc cũng là một cách hữu hiệu để bảo vệ tài nguyên quý giá của quốc gia”. Vậy, việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc trong giai đoạn hiện nay phải được tiến hành bằng những việc làm thiết thực từ chính bản thân mỗi cá nhân.*

Một trong những cách đó là thường xuyên đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ: không chỉ qua các bài giảng mang tính lí thuyết ở trường lớp. Nhất là trong thời đại bùng nổ thông tin hiện nay, là một giáo viên dạy Lịch sử, việc tận dụng tối đa những ưu thế của công nghệ

thông tin để tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá những nét đẹp văn hóa của cha ông cho học sinh, các em thanh thiếu niên thông qua những hình thức sinh động, phong phú, hấp dẫn, phù hợp với tâm lý, thị hiếu của giới trẻ là rất cần thiết. Cùng với đó là mở rộng giao lưu văn hóa, nói chuyện lịch sử truyền thống, tăng cường tính tương tác, tính trực quan sinh động khi giáo dục truyền thống văn hóa cho tuổi trẻ thông qua các buổi sinh hoạt khóa: tham quan về nguồn, tọa đàm, thuyết trình, liên hoan văn nghệ quần chúng, đẩy mạnh tổ chức các cuộc thi tìm hiểu liên quan lịch sử hào hùng, truyền thống văn hóa của đất nước ....

Hiện nay, trước tác động của quá trình giao lưu, hội nhập văn hóa với thế giới, nhiều dân tộc thiểu số đang đứng trước nguy cơ mai một về bản sắc dân tộc. Điều quan ngại nhất là những nghệ nhân, những người cao tuổi am hiểu sâu sắc về giá trị văn hóa, phong tục tập quán, nghi lễ, truyền thống văn hóa của các dân tộc thiểu số sẽ ngày càng giảm dần... Cho nên, tôi nghĩ bản thân sẽ cố gắng hết sức trong việc tuyên truyền và giáo dục thế hệ trẻ ý thức trong cách ứng xử : cần ứng xử với các di sản văn hóa bằng lòng tự hào dân tộc, sự hiểu biết và cảm thụ cái đẹp; việc “thừa hưởng” phải đi đôi với cần tích cực tham gia các hoạt động bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; chú trọng giữ gìn những nét văn hóa độc đáo mà cha ông ta đã chắt chiu, vun đắp; khơi dậy niềm tự hào, ý thức kế thừa văn hóa trên tinh thần sáng tạo... hướng các em học sinh có kỹ năng ứng xử phù hợp và biết chọn lọc hơn trong quá trình giao lưu văn hóa hiện nay: sự xâm nhập, thẩm thấu các giá trị văn hóa ngoại lai vào nước ta diễn ra thông qua nhiều hình thức, con đường rất tinh vi, nên các bạn trẻ cần xây dựng bản lĩnh văn hóa, sẵn sàng đấu tranh với những hoạt động, sản phẩm văn hóa không lành mạnh (những luồng văn hóa lai căng, cực đoan, mê tín dị đoan, lạc hậu).

Hơn ai hết, giáo viên là những người tiên phong đi đầu, làm gương trong công tác này, chủ động xây dựng tác phong, lối sống đẹp, sống có ích... và động viên, khuyến khích các bạn trẻ, mọi người xung quanh hưởng ứng.

Để công tác phát huy và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc trong giai đoạn hiện nay đạt hiệu quả, tôi rất mong muốn chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng cần tiếp tục quan tâm đúng mức, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hoá; có chính sách hỗ trợ kịp thời công tác bảo tồn, phát triển văn hoá, công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ văn hoá và văn nghệ sĩ các dân tộc trong tỉnh; khuyến khích tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân nghiên cứu, bảo quản, truyền dạy và giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể; áp dụng các biện pháp cần thiết của chính quyền các cấp để bảo vệ các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, ngăn chặn nguy cơ làm mai một, sai lệch hoặc thất truyền; tuyên truyền cho đồng bào các dân tộc biết tự hào và trân trọng những giá trị tinh thần, đạo đức,

phong tục tốt đẹp của mình, phát huy các giá trị văn hóa tích cực truyền thống trong cuộc sống mới. Xây dựng và thực hiện quy ước văn hóa trên cơ sở kết hợp những yếu tố truyền thống tốt đẹp. Tổ chức hình thức nhiều hoạt động văn hóa lành mạnh để thu hút nhân dân tham gia và đóng góp ý kiến trên tinh thần dân chủ.

*Phú Hữu, ngày 25 tháng 9 năm 2018*

Tác giả

HUỲNH THỊ CAO PHÚ